

HỌC VIỆN ĐA MINH
Ban Tông Đồ

SỐNG TRONG CHÚA KITÔ

NĂM 2007

Bài 1

CON NGƯỜI LÀ HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA

1. Con người là gì ?

- Theo Kinh Thánh : “*Con người là hình ảnh Thiên Chúa*” (St 1,26).

- Là hình ảnh Thiên Chúa nên con người được chính Thiên Chúa ban tặng phẩm giá cao quý mà các tạo vật khác không có được. (xc. Tv 8,4-7)

- Con người có phẩm giá, tức là nơi họ có đầy đủ lý trí để hiểu biết về trật tự nơi vạn vật mà Đấng Tạo Hoá đã sắp đặt trong vũ trụ; đồng thời có ý chí để tự mình hướng về sự thiện đích thực; hơn nữa mỗi con người có tự do để quyết định về cuộc đời mình. Đây là dấu hiệu đặc sắc nhất về hình ảnh Thiên Chúa. (MV 17).

- Chỉ có nơi con người mới có khả năng nhận ra tiếng Thiên Chúa nói trong lương tâm để thực hiện điều lành và tránh điều xấu. Thế nhưng, phẩm giá cao quý này đã bị tội lỗi làm hoen ố, làm tổn thương và mất hết năng lực hướng thượng (Rm 7,14-24). Vì thế, con người thường hướng chiều về điều xấu và mắc phải sai lầm.

2. Con người được phục hồi phẩm giá

- Tội lỗi đã huỷ hoại phẩm giá của con người, nhưng trong cuộc khổ nạn và Phục Sinh của Đức Kitô thì con người được giải thoát khỏi tội lỗi, được hưởng một đời sống mới trong Chúa Thánh Thần và phục hồi phẩm giá đã bị đánh mất do tội gây nên.

- Đức tin làm cho người tín hữu trở nên con cái Thiên Chúa, được ơn làm nghĩa tử để nên người đồng thừa tự với Đức Kitô. Nhờ các ơn này, con người kết hợp một cách mật thiết với Đấng Cứu Độ hầu có thể đạt tới một đức ái hoàn hảo và sự thánh thiện.

- Trong mọi hoàn cảnh, người tín hữu biết kết hiệp với Thiên Chúa thì nơi họ được ân sủng làm cho trưởng thành và kiên vững, đáng tham dự vào sự sống vĩnh cửu của Thiên Chúa Đời, hưởng vinh quang Nước Trời.

3. Con người được mời gọi để hưởng hạnh phúc Nước Trời

- Đức Giêsu rao giảng về Nước Trời và kêu gọi con người sống các mối phúc, vì Nước Trời gắn liền với các mối phúc ấy. Các mối phúc vừa mô tả khuôn mặt Đức Giêsu¹ vừa mô tả đức ái² của Người. Sống đầy đủ ý nghĩa nơi Tám mối phúc này người tín hữu bước đi trên con đường “hẹp” và hoạ lại chân dung của Đức Kitô.

- Con người theo bản tính tự nhiên khát vọng hạnh phúc. Khát vọng hạnh phúc này bắt nguồn và kết thúc từ chính Thiên Chúa, vì nơi Người mới có sức lôi kéo và làm thoả mãn nỗi khát vọng của con người.

- Thiên Chúa đặt con người trước các mối phúc và cho họ tự do chọn lựa và quyết định trước hành vi luân lý của mình. Tuy nhiên, chỉ có con đường nhận biết thánh ý Thiên Chúa mới có thể thanh tẩy mình khỏi những hành vi xấu, thực hiện điều thiện hảo để hưởng hạnh phúc.

¹ Chẳng hạn như đời sống nghèo khó, hiền lành...

² Chẳng hạn như lòng thương xót và sự hoà giải...

- Con người được tôn trọng phẩm giá vì nơi họ có đầy đủ lý trí, ý chí và tự do để chọn lựa điều thiện và đạt tới hạnh phúc. Nhờ đó bản thân họ nhận ra mình phải yêu mến Thiên Chúa và liên đới với đồng loại trong sự yêu mến và tôn trọng phẩm giá của người khác, vì con người là hình ảnh Thiên Chúa.

- Khi con người ý thức phẩm giá và ơn gọi nên giống Chúa Kitô, để rồi đáp trả tình yêu của Người thì nơi họ đã thể hiện một tình yêu tình và ơn gọi làm người. *“Ai sống trong tình yêu là sống trong Thiên Chúa”* (1 Ga 4,16).

- Tuy mỗi người được gọi cách phổ quát sống hạnh phúc Nước Trời nhưng nơi họ luôn cần trợ lực bởi ân sủng và phải được thôi thúc để từ bỏ những gì trái ngược ý muốn Thiên Chúa, hầu thực hiện điều thiện thì con người tìm được hạnh phúc Nước Trời.

Bài 2

TỰ DO CỦA CON NGƯỜI

1. Khái niệm

Tự do là khả năng hành động hoặc không hành động, làm cái này hay làm cái kia, chọn lựa sự thiện hoặc sự ác, tăng trưởng tới hoàn thiện hoặc suy sụp trong tội lỗi...

Theo nghĩa luân lý Kitô giáo thì khi làm điều thiện, con người càng được tự do hơn và họ chỉ đạt được sự tự do đích thực khi họ phục vụ điều thiện. Hơn nữa, tự do ấy chỉ đạt tới mức hoàn hảo khi con người tìm kiếm Đấng Tạo Hoá và tự nguyện gắn bó với Người, để đạt tới hạnh phúc nơi Thiên Chúa.

2. Tự do và trách nhiệm

Con người hành động với suy nghĩ và tự do cách đầy đủ thì họ phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tuy nhiên, còn phải tùy theo hoàn cảnh cụ thể để có thể quy kết trách nhiệm về hành động tự do hay không đủ tự do khi chọn lựa một hành vi luân lý.

- Tự do là đặc tính của các hành vi thuộc con người, được gọi là hành vi nhân linh. Vì thế, mỗi người đều có quyền đòi người khác phải thừa nhận sự tự do và trách nhiệm của mình, nhưng mình cũng luôn phải tôn trọng quyền hành xử tự do và trách nhiệm của người khác.

- Quyền hành xử tự do là một đòi hỏi không thể tách rời khỏi phẩm giá con người, nhất là trong vấn đề luân lý và tôn giáo. Con người có trách nhiệm về tự do của mình và tôn trọng tự do chính đáng của người khác.

3. Tự do và tội lỗi

- Không phải lúc nào con người cũng sử dụng sự tự do của mình cách đúng đắn, tức là không thể sai lầm. Adam và Evà hay các Thiên Thần là những người đã sa ngã vì chọn lựa sai lầm, từ khước tình yêu của Thiên Chúa và tự lừa dối mình để trở thành nô lệ tội lỗi.

- Tự do không phải là muốn nói, muốn làm cũng được, không tôn trọng nền tảng đạo lý. Vì khi xa lìa luật luân lý, con người làm thương tổn tự do của chính mình, làm nô lệ cho tính ích kỷ, cắt đứt tình huynh đệ với đồng loại và nổi loạn chống lại ý Chúa.

- Con người ý thức về sự yếu đuối để khiêm tốn và không lạm dụng tự do cách thái quá thì họ tránh được sai lầm; ngược lại thì con người sẽ sa vào tội lỗi.

4. Tự do và ân sủng

- Con người đã hành xử tự do sai lầm nên họ trở thành kẻ nô lệ cho tội lỗi và sự xấu, nhưng Đức Kitô chuộc lại sự tự do ấy trong chính cái chết và Phục Sinh³. Sau khi Phục Sinh, Đức Kitô dùng uy quyền thống trị tội lỗi, Người giúp con người tìm lại ý nghĩa của sự tự do, không phải sự tự do theo tự bản tính nhân loại nhưng là sự tự do của con cái Thiên Chúa.

- Tự do và ân sủng không đối lập nhau⁴, vì Thiên Chúa ban ân sủng và con người có quyền tự do để lãnh nhận hay khước từ. Người luôn luôn ở trong tình trạng đón

³Đức Giêsu đã dùng thập giá vinh quang để giải thoát ta được tự do. (Gl 5,1)

⁴ Xin anh em lý giải thêm vấn đề tự do và ân sủng. Chắc chắn rằng ân sủng của Thiên Chúa không cạnh tranh với tự do của con người.

nhận ân sủng là người hoàn toàn có sự tự do nội tâm và kiên vững trong trước mọi thách thức của cuộc sống.

5. Tự do của con cái Thiên Chúa

- Thánh Phaolô khuyên chúng ta : *“Anh em đã được gọi để hưởng tự do, có điều là đừng lợi dụng tự do để sống theo xác thịt, nhưng hãy lấy đức mến mà phục vụ lẫn nhau”* (Gl 5,13).

- Đức Giêsu đã chịu cám dỗ nhưng Người chiến thắng trong sự tự do để nêu gương cho người tín hữu luôn kiên vững trong mọi thử thách để đạt sự tự do đích thực trong Thiên Chúa. Sự xấu làm cho con người mất tự do để đón nhận ân sủng, thì sự thiện lôi kéo người Kitô hữu đến với tự do của con cái Thiên Chúa.

- Chế ngự tính hư tật xấu và để cho Thần Khí hướng dẫn thì con người có tự do đích thực. Vì, *“ở đâu có Thần Khí của Chúa, ở đó có tự do”* (2 Cr 3,17).

BẠN CÓ BIẾT ?

1. Linh hứng : là ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần ban cho những người viết ra Kinh Thánh.

Những vị viết Kinh Thánh đã được Chúa Thánh Thần soi sáng, hướng dẫn để biết dùng tài năng riêng mà viết những điều Thiên Chúa muốn và chỉ viết những điều Thiên Chúa muốn. Nhờ đó, Kinh Thánh chứa đựng sự thật cứu độ, dạy ta những gì cần biết để sống đầy đủ ý nghĩa làm người và đạt tới hạnh phúc tuyệt đối.

2. Kinh Thánh : Bản dịch bảy mươi

Bản dịch Kinh Thánh đầu tiên từ tiếng Híp-ri sang tiếng Hy Lạp, công việc kéo dài 100 năm (250-150 trước công nguyên) do 70 người thực hiện.

3. Kinh Thánh : Bản dịch phổ thông

Bản dịch Kinh Thánh sang tiếng La Tinh nhằm phổ biến rộng trong Hội Thánh Công giáo, do thánh Giêrônimô (347-419) thực hiện.

Bài 3

HÀNH VI NHÂN LINH

1. Hành vi nhân linh là gì?

- Là hành vi được con người thực hiện với tư cách là một chủ thể có ý thức và tự do.

- Là hành vi phát xuất từ sự nhận thức và ý muốn tự do (theo thánh Tôma)

- Có ý thức: là biết mình đang làm gì, theo phương cách nào và mình có thể làm hay từ chối.

- Có tự do: tự do là khả năng hành động và tự do lựa theo phán đoán của mình. Do đó, tự do gắn liền với lý trí và ý chí.

2. Tính luân lý của hành vi nhân linh

- Tính luân lý của hành vi nhân linh tùy thuộc vào đối tượng được chọn lựa, mục đích nhắm tới hay ý hướng và hoàn cảnh của hành động ấy.

- Con người có ý thức và tự do để hành động bất cứ việc gì mình muốn, vì thế họ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hành động đó. Tuy nhiên, xét về tính trách nhiệm luân lý, để cấu thành một hành vi nhân linh phải dựa vào các yếu tố: đối tượng, ý hướng và hoàn cảnh.

+ Đối tượng được chọn lựa là một thiện ích mà ta chủ ý nhắm tới. Đối tượng này xác định tính luân lý của hành vi ý chí, tùy theo lý trí nhận biết và phán đoán có phù hợp hay không với sự thiện đích thực.

+ Ý hướng thuộc về chủ thể hành động. Nó phát xuất từ ý chí tự do và xác định mục đích của hành động nên ý

hướng là một yếu tố căn bản để đánh giá tính luân lý của hành vi. VD: Hai người cùng lên Đền thờ cầu nguyện... nhưng ý hướng của họ rất khác nhau (Lc 18,10-14).

* Một ý hướng tốt⁵ không thể làm cho một hành vi sai trái⁶, trở thành tốt hay đúng. Cứu cánh không thể biện minh cho phương tiện.⁷

* Một hành vi tự nó là tốt có thể trở thành xấu khi có ý xấu. Vd: bố thí để tìm hư danh.

+ Hoàn cảnh là yếu tố phụ của một hành vi luân lý. Nên tự chúng, hoàn cảnh không thể thay đổi phẩm chất luân lý của chính hành vi. Hoàn cảnh không thể làm cho một hành vi tự nó là xấu, trở thành tốt hay đúng. Tuy nhiên, khi xét từng hoàn cảnh của hành vi vì phạm năng hay nhẹ thì đương sự có thể được giảm khinh⁸.

3. Hành vi tốt và hành vi xấu

- Một hành vi tốt về mặt luân lý đòi hỏi đối tượng, mục đích và hoàn cảnh đều phải tốt. Mục đích xấu làm cho hành động trở nên xấu, dù đối tượng tự nó là tốt⁹.

- Nguyên đối tượng được lựa chọn có thể làm cho toàn bộ hành động trở nên xấu¹⁰. Do đó, người ta mắc sai

⁵ Vd : giúp đỡ tha nhân là điều tốt.

⁶ Vd : Nói dối hay nói xấu người khác.

⁷ Không thể biện minh cho việc kết án một người vô tội như phương tiện chính đáng để cứu dân chúng.

⁸ Vd : Ăn trộm là xấu. Nhưng ăn trộm của người nghèo khổ thì xấu hơn, tội nặng hơn ăn trộm của người giàu. Nhưng trong trường hợp đói lả không có cách nào khác khiến phải đi ăn trộm cho qua cơn đói thì trách nhiệm luân lý lại được giảm khinh, có khi vô tội.

⁹ Vd : Cầu nguyện và ăn chay cốt là để người khác trông thấy.

lầm khi thẩm định tính luân lý của một hành động mà chỉ xét ý hướng hoặc hoàn cảnh., vì có hành động tự bản chất, nó mang tính nghiêm trọng rồi. Vd : ngoại tình.

- Không được phép làm điều xấu, để đạt một kết quả tốt.

4. Những cảm xúc và đời sống luân lý

Con người là tạo vật vừa có lý trí, vừa có ý chí và tình cảm, nên hành vi của con người luôn bị chi phối, nhất là do những cảm xúc: mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham muốn. Những cảm xúc này tùy theo mức độ có thể làm cho trí khôn giảm bớt sự sáng suốt, hoặc bị cuốn hút vào một tình huống khiến đương sự không làm chủ bản thân được. Mừng quá, giận quá mất khôn ; buồn quá dễ gây thất vọng ; sợ quá sinh ra liều ; yêu quá hoá tương tư ; ghét quá trở nên thù địch ; ham muốn quá hoá đam mê... Những cảm xúc này là những bản năng tự nhiên có thể giúp ích cho cuộc sống con người. Tự chúng không xấu cũng không tốt, nhưng nếu để nó lỏng lẻo, cuốn hút, trở thành đam mê thái quá, tâm trí sẽ bị mù quáng, ý chí sẽ bị suy nhược, tình cảm sẽ bị lệch lạc...

¹⁰ Vd : Tội tà dâm, luôn luôn là sai, vì ngay khi chọn lựa, ý chí đã lệch lạc, đó là điều xấu luân lý.

Bài 4

LƯƠNG TÂM

Định nghĩa lương tâm là gì?

- Lương tâm là tiếng Chúa nói trong tâm hồn con người để họ làm điều lành và lánh điều dữ.

- Lương tâm là tâm điểm sâu lắng nhất và là cung thánh của con người, nơi đây con người hiện diện với Thiên Chúa và tiếng nói của Người vang dội trong thâm tâm con người.

1. Phán quyết của lương tâm

- Lương tâm hiện diện trong lòng người và ra lệnh đúng lúc cho con người làm điều lành và lánh điều dữ.

- Phán quyết của lương tâm là phán quyết của lý trí nên con người nhận ra được việc mình sẽ làm, đang làm và đã làm thuộc hành vi tốt hay xấu.

- Nhờ phán quyết của lương tâm, con người ý thức và nhận ra quy luật của Thiên Chúa.

- Để nghe được tiếng nói và phán quyết của lương tâm, con người phải gầy trở về với nội tâm.

- Lương tâm ngay thẳng là lương tâm nhận biết các nguyên tắc luân lý, biết cân nhắc thực tiễn các lý do và lợi ích trong những hoàn cảnh cụ thể và thực hiện hành vi mình sắp làm hay đã làm.

- Khi nghe được tiếng nói của lương tâm, chúng ta can đảm nhận trách nhiệm về hành vi mình đã làm: làm

điều xấu thì lương tâm sẽ tố cáo là ta chọn lựa sai, làm điều thiện lương tâm làm chứng cho chân lý.

- Mỗi người đều có quyền làm theo lương tâm và tự do của mình. Do đó, không ai có quyền cưỡng bức người khác hành động trái với lương tâm của họ.

2. Huấn luyện lương tâm

- Lương tâm đã được Thiên Chúa đặt để nơi lòng người chứ không do con người tạo nên, tuy nhiên lương tâm ấy có thể bị biến chất do tội lỗi và điều kiện sống chung quanh. Vì thế, mỗi người cần phải huấn luyện lương tâm của mình để có thể phán đoán ngay thẳng và chân thật.

- Huấn luyện lương tâm là nhiệm vụ phải thực hiện suốt đời. Được huấn luyện tốt, lương tâm sẽ dẫn con người đến tự do đích thực và mang lại sự bình an cho tâm hồn.

- Lời Chúa là ánh sáng chỉ đường để rèn luyện lương tâm (xc. Ga 14,6). Chúng ta phải lãnh hội lời Chúa trong đức tin, trong kinh nguyện và đem ra thực hiện; phải kiểm điểm lương tâm dưới ánh sáng thập giá Đức Kitô; nhờ ơn Chúa Thánh Thần trợ giúp; nghe theo giáo huấn của Hội Thánh...

3. Chọn lựa theo lương tâm

Khi phải đứng trước một chọn lựa, lương tâm có thể phán đoán đúng theo lý trí và luật Thiên Chúa, nhưng cũng có thể phán đoán sai.

a. Phán đoán sai

Con người luôn phải tuân theo những phán đoán chắc chắn của lương tâm. Nếu chủ ý làm sai, con người tự kết án chính mình. Nhưng những lệch lạc trong phán đoán luân lý có thể xuất phát từ nhiều lý do: thiếu hiểu biết về Đức Kitô

và Tin Mừng, gương xấu của người khác, nô lệ các đam mê, quan niệm sai lầm về tự do lương tâm, khước từ quyền bính và giáo huấn của Giáo hội...

Thông thường, mỗi người phải chịu trách nhiệm về sự thiếu hiểu biết của mình, nhất là khi họ “không lo lắng tìm kiếm chân lý và điều thiện, hoặc vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần trở nên mù quáng” (MV 16). Tuy nhiên, nếu không thể khắc phục tình trạng thiếu hiểu biết hoặc phán đoán sai lầm không phải do bản thân mình, thì người đó không chịu trách nhiệm về điều xấu đã làm.

b. Chọn lựa đúng

Để có thể chọn lựa đúng đắn theo lương tâm ngay thẳng, ta phải dựa vào đức khôn ngoan, lời khuyên bảo của những người hiểu biết cũng như sự trợ lực của Chúa Thánh Thần. Tuy nhiên, có một vài nguyên tắc có thể áp dụng trong mọi hoàn cảnh:

- Mục đích tốt không biện minh phương tiện xấu.

- Khuôn vàng thước ngọc “*Những gì anh em muốn người ta làm cho mình, thì anh em hãy làm cho người ta*” (Mt 7,12).

- Đức ái Kitô giáo luôn luôn đòi hỏi chúng ta phải tôn trọng tha nhân và lương tâm của họ. Vì thế, không được xúc phạm đến tha nhân hay làm gương xấu cho người khác.

Mỗi người phải quay về với nội tâm, để có thể nghe được và tuân theo tiếng lương tâm. Ngày nay, việc quay về với nội tâm càng cần thiết hơn bao giờ hết, vì nếp sống hiện đại thường làm chúng ta trốn tránh suy nghĩ, kiểm điểm hay phản tỉnh.

Tóm lại

1. Để đào tạo lương tâm mình, người Kitô hữu phải xa lánh tội lỗi, phải cầu nguyện, học hỏi Lời Chúa, nghe theo các giáo huấn của Hội Thánh, vâng lời những người có trách nhiệm dạy dỗ ta và năng bàn hỏi với những người đạo đức khôn ngoan.

2. Những nguyên nhân khiến lương tâm sai lạc:

- Một là do không chịu học hỏi khiến lương tâm thiếu hiểu biết (vô tri bĩ tiện).

- Hai là do quá quen phạm tội khiến lương tâm trở nên chai lì mù quáng.

- Ba là do hoàn cảnh bên ngoài tác động.

CÁC NHÂN ĐỨC

I. Định Nghĩa

- Nhân đức là gì? Là những tập quán, những thói quen tốt giúp ta làm việc lành cách dễ dàng. Ngược lại, nét xấu cũng là những thói quen, những tập quán xấu lôi cuốn ta về đường tội lỗi.

- Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên định để làm điều thiện, không những giúp thực hiện những hành vi tốt, mà còn cố gắng hết khả năng của mình.

II. Các Đức Tính Nhân Bản

- Là những thái độ kiên định, những xu hướng bền vững, thói quen hướng thiện của lý trí và ý chí giúp con người điều chỉnh các hành vi, điều tiết đam mê và hướng dẫn cách ăn nết ở của ta theo lý trí và đức tin.

- Đức tính luân lý này vừa là hoa trái vừa là mầm mống cho những hành vi tốt; đồng thời hướng con đến sự hiệp thông tình yêu.

1. Các đức tính căn bản

Có bốn đức tính đóng vai trò bản lề, tuy tụ các đức tính khác : khôn ngoan, công bình, can đảm và tiết độ.

a. Khôn ngoan

- Đức tính khôn ngoan giúp lý trí thực tiễn trong mọi hoàn cảnh nhận ra sự thiện đích thực và chọn lựa những phương thế tốt để đạt tới¹¹.

- Đức tính khôn ngoan là người dẫn đường, hướng dẫn các đức tính khác bằng cách vạch ra quy tắc và mức độ phải giữ. Do đó, đức tính này hướng dẫn phán đoán của lương tâm.

- Nhờ đức tính này, chúng ta áp dụng đúng đắn các nguyên tắc luân lý vào từng trường hợp cụ thể, không do dự trước điều thiện phải làm và điều ác phải tránh.

- Nhờ đức khôn ngoan, chúng ta biết tiên liệu, bàn hỏi và thận trọng trước khi quyết định.

b. Công bình

- Công bình là đức tính luân lý thực hiện quyết tâm trả cho Chúa và tha nhân những gì thuộc về Chúa và tha nhân. Công bình đối với Chúa là nhân đức thờ phượng, đối với tha nhân là tôn trọng quyền lợi và thực thi công ích.

- Theo Kinh Thánh là người ngay thẳng trong tư tưởng và hành động khi cư xử với tha nhân.

- Nhờ thực thi công bình, chúng ta có bốn phận thờ phượng Chúa, hiếu thảo với cha mẹ và biết ơn với những ai làm ơn cho chúng ta.

¹¹ Sách Chân ngôn nói: “Người khôn ngoan thì dẫn đo từng bước. (Cn 14,15)

c. Can đảm

- Can đảm là đức tính luân lý giúp ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện trước những khó khăn của cuộc sống.

- Can đảm giúp ta cương quyết chống lại các cơn cám dỗ, vượt qua chướng ngại luân lý.

- Nhờ can đảm, chúng ta thắng sợ hãi, dám hy sinh vì chính nghĩa. Đồng thời, chúng ta biết nhẫn nại, kiên tâm và quảng đại trong cuộc sống.

d. Tiết độ

- Tiết độ là đức tính luân lý giúp ta điều tiết sức lôi cuốn của những lạc thú và sử dụng chừng mực của cải vật chất.

- Tiết độ giúp ý chí làm chủ bản năng, kiềm chế ham muốn cách chính đáng.

- Nhờ biết tiết độ, chúng ta hưởng thêm muốn giác quan về điều thiện và thận trọng trong việc tiết dục, tiết chế và sống thanh khiết.

III. Các Nhân Đức Đối Thần

Gọi là nhân đức đối thần vì những nhân đức này qui chiếu trực tiếp về Thiên Chúa như căn nguyên, động lực và đối tượng. Đối với Kitô giáo, các nhân đức đối thần là nền tảng và linh hồn của toàn bộ đời sống luân lý. Thiên Chúa ban cho chúng ta những nhân đức này để chúng ta có khả năng hành động như con cái Thiên Chúa và đáng hưởng sự sống đời đời.

1. Đức Tin

Đức Tin là một nhân đức đối thần, nhờ đó, ta tin vào Thiên Chúa, tin tất cả những gì Người nói và mặc khải, cũng như những gì Hội Thánh dạy ta phải tin.

Đức Tin là một hồng ân nhưng đồng thời cũng là sự đáp trả của con người trước hồng ân của Thiên Chúa. Sự đáp trả ấy mang tính toàn diện: lý trí, tình cảm và hành động. Vì thế đức tin phải được diễn tả ra ngoài bằng việc làm cụ thể.¹²

Hơn nữa, nếu tín hữu chỉ sống đức tin mà không có đức cậy và đức mến, đời sống niềm tin của họ chưa trọn vẹn. Do đó, người Kitô hữu không những phải gìn giữ và sống đức tin, nhưng còn phải tuyên xưng, can đảm làm chứng và truyền bá đức tin.

2. Đức Cậy

Đức Cậy là nhân đức đối thần, nhờ đó, ta khao khát Nước Trời, và sự sống vĩnh cửu như hạnh phúc đời mình, khi tin tưởng vào các lời hứa của Đức Kitô và phó thác vào ơn trợ lực của Chúa Thánh Thần chứ không dựa vào sức riêng mình.

Đức Cậy đáp ứng khát vọng hạnh phúc Thiên Chúa đã đặt trong lòng mọi người, đảm nhận các niềm hy vọng gọi hứng cho sinh hoạt của con người, thanh luyện và qui hướng các hy vọng ấy về Nước Trời.

Đức Cậy bảo vệ chúng ta khỏi thất vọng, nâng đỡ khi chúng ta bị bỏ rơi; đồng thời giúp chúng ta hy vọng hưởng

¹² “Đức tin không có việc làm là đức tin chết” (Gc 2,26).

hạnh phúc bất diệt. Đức Cây giải thoát ta khỏi lòng ích kỷ và đưa ta đến với hạnh phúc của đức Mến.

Hơn bao giờ hết, người tín hữu phải sống hy vọng, đây là thách thức cho đời sống đức tin Kitô giáo.

3. Đức Mến

Đức Mến là nhân đức đối thần, nhờ đó, chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự vì chính Chúa, và vì yêu mến Thiên Chúa, chúng ta yêu mến Người thân cận như chính mình. Đức Giêsu đặt đức Mến làm điều răn mới (xc. Ga 13,34).¹³

Đức Mến gợi hứng và thúc đẩy việc tập luyện mọi đức tính. Đức Mến là “*mối dây liên kết tuyệt hảo*”, là nguồn mạch và cùng đích của việc thực hành các đức tính trong đời sống Kitô hữu.

Đức Mến bảo đảm thanh luyện và nâng khả năng yêu thương của con người lên mức hoàn thiện siêu nhiên, trở thành tình yêu thiêng liêng.

Đời sống luân lý được sinh động nhờ đức Mến mới đem lại cho người Kitô hữu sự tự do thiêng liêng của con cái Thiên Chúa. Trong tương quan với Thiên Chúa, người Kitô hữu không còn là kẻ nô lệ sống trong sợ hãi hay người làm công ăn lương, nhưng là người con đáp lại tình thương của “*Đấng đã yêu thương chúng ta trước*” (1 Ga 4,19).

¹³ Thánh Phaolô liệt kê một loạt các đặc điểm của đức Mến: “*Đức Mến thì nhẫn nhục, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức Mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả*” (1 Cr 13,4-7).

Hoa trái của đức Mến là niềm vui, bình an và lòng thương xót. Đức Mến đòi buộc ta phải làm điều thiện và sửa lỗi huynh đệ.

4. Bấy ơn Chúa Thánh Thần

Là con cái Thiên Chúa, nên đời sống của các Kitô hữu được Chúa Thánh Thần nâng đỡ bằng các hồng ân của Ngài. Bấy ơn Thánh Thần là:

- Ôn khôn ngoan làm cho ta biết phân định giá trị của thực tại và biết chọn lựa đúng phương tiện để thực hiện điều tốt đẹp theo ý Chúa.

- Ôn hiểu biết giúp ta biết phân định những giá trị trần thế và biết sử dụng của cải trần thế trong tinh thần chia sẻ và liên đới với mọi người.

- Ôn thông minh giúp ta dễ hiểu và đón nhận các mẫu nhiệm Chúa mặc khải và Hội Thánh truyền dạy.

- Ôn biết lo liệu giúp ta biết chọn điều lành, tránh xa điều ác (làm lành lánh dữ).

- Ôn sức mạnh giúp ta sẵn lòng chịu khó vì phần rỗi đời đời.

- Ôn đạo đức giúp ta vui thích và nhiệt thành đối với các việc thờ phượng Thiên Chúa.

- Ôn kính sợ Thiên Chúa giúp ta xa lánh những gì làm mất lòng Chúa.

Bài 6

TỘI LỖI

1. Tội là gì ?

Tội là “một lời nói, hành vi hoặc ước muốn trái nghịch với Luật vĩnh cửu”(Thánh Âu-tinh). Tội là sự xúc phạm đến Thiên Chúa khi muốn “trở nên như những vị thần” biết và quyết định điều thiện, điều ác, không vâng phục tình yêu của Người mà muốn “yêu mình đến mức khinh thị Thiên Chúa”. Như thế, Tội là sự thiếu tình yêu đích thực với Thiên Chúa và tha nhân vì những quyền luyến lệch lạc với thụ tạo. Tội gây thương tích cho bản tính con người và làm tổn thương đến các mối tương quan giữa con người với nhau.

2. Mức độ của tội

Có rất nhiều loại tội. Nếu xét về phía Đấng bị xúc phạm thì tội nào cũng nặng. Nhưng nhìn về phía các việc xấu ta làm và so sánh chúng với nhau, thì có phân biệt tội trọng và tội nhẹ.

a. Tội trọng

Tội trọng là vi phạm một điều lỗi nặng, có ý thức đầy đủ, và cố tình làm.

Phạm một điều lỗi nặng: có thể tự nó là nặng như: việc giết người, bỏ lễ ngày Chúa nhật... nhưng để định điều nào là nặng điều nào là nhẹ, chúng ta phải theo tiêu chuẩn khách quan, chứ không tùy theo lương tâm, vì lương tâm có thể sai lầm. Hơn nữa, mức độ tội cũng tùy thuộc vào tương quan của tội nhân với phẩm giá của người bị xúc phạm.

Có ý thức đầy đủ: là biết hành vi đó là tội, trái với luật Thiên Chúa. Nếu hồ nghi không biết rõ điều nhẹ hay nặng, thì buộc phải tìm hiểu thêm hay bàn hỏi cùng người khôn ngoan thông thái, rồi mới theo lương tâm mà hành động. Nếu lỗi một điều nặng mà mình không biết rõ là điều nặng, thì không thành tội nặng.

Có ý lỗi phạm: tội là do bởi lòng muốn, có ý muốn lỗi phạm thì mới có tội, chứ bị cưỡng bách, bị ép buộc phải làm một điều lỗi luật, mà trong lòng mình không ưng thuận, không có ý lỗi phạm, thì cũng không thành tội.

Khi phạm tội trọng, con người đánh mất đức mến, tự tước bỏ ơn thánh hoá, tức là tình trạng ân sủng. Nếu tội trọng không được chuộc lại bằng việc hối cải của tội nhân và bằng ơn tha thứ của Thiên Chúa, người mắc tội trọng sẽ bị loại khỏi vương quốc của Đức Kitô và bị án phạt đời đời.

b. Tội nhẹ

Tội nhẹ là vi phạm luật luân lý trong điều nhẹ, hay lỗi điều nặng nhưng không hoàn toàn hiểu biết hoặc ưng thuận.

* Ngoài ra, Kinh Thánh còn nói tới tội phạm đến Thánh Thần (xc. Mc 3,29). Đó là tội cố tình không hoán cải và khước từ lòng thương xót của Thiên Chúa.

Khi khước từ lòng thương xót của Thiên Chúa thì tội nhân cũng khước từ sự tha tội và ơn cứu độ do Chúa Thánh Thần ban cho. Không phải Thiên Chúa không tha thứ, nhưng chính tội nhân tự tách mình ra khỏi lòng thương xót của Ngài, tự kết án chính mình.

c. Hậu quả của tội

Tội gây nên những hậu quả trầm trọng hay nhẹ là do mức độ của tội, nghĩa là do tội trọng hay tội nhẹ.

+ Tội trọng gây ra những hậu quả vô cùng tai hại

- Phá huỷ sự sống và phẩm giá của con người.

- Cắt đứt tình nghĩa với Thiên Chúa

- Tổn thương tình liên đới với tha nhân

+ Tội nhẹ làm suy yếu đức mến, ngăn cản ta tiến triển trong cuộc thực hành các đức tính và điều thiện. Đồng thời người cố tình phạm tội nhẹ và không sám hối, sẽ đi dần đến chỗ phạm tội trọng và ảnh hưởng đến phần rỗi đời đời.

3. Đồng loã với tội lỗi

Tội là một hành vi cá nhân, nhưng ta phải chịu trách nhiệm về tội của người khác, khi cộng tác với họ dưới nhiều hình thức.

- Tham gia trực tiếp và cố tình.

- Ra lệnh, xúi giục hay tán thành.

- Không ngăn cản khi có bổn phận phải làm.

- Bao che cho người làm điều ác.

Tội lỗi là kinh nghiệm thực tế của mỗi người và mọi người “*Nếu chúng ta nói mình không có tội thì ta tự lừa dối mình*” (1 Ga 1,8). Nhưng Kinh Thánh cũng xác quyết “*Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội*” (Rm 5,20). Nói như thế không phải để ta buông thả trong tội lỗi, nhưng để ta tin tưởng vào tình thương tha thứ của Thiên Chúa, và tình thương ấy thúc đẩy ta vươn lên không ngừng, sống phù hợp với ơn gọi làm con cái Chúa.

Tóm lại

Vậy, tội không phải chỉ là một sự yếu đuối, một khiếm khuyết, một sơ xuất trong hành động, một vi phạm lề luật, nhưng tội là thái độ bên trong, một lựa chọn sai trái, lạm dụng tự do của mình.

- Chúng ta biết rằng: khi xét xử một phạm nhân, quan toà căn cứ vào luật mà phạm nhân đã vi phạm để kết án, nhưng tội của phạm nhân xúc phạm đến luật chứ không xúc phạm đến quan toà. Trái lại, những tội của chúng ta phạm không chỉ là những hành vi nghịch với luật, nhưng còn là xúc phạm đến chính Thiên Chúa, Đấng là quan toà.

- Đối với phạm nhân, người đời thường ghét bỏ, xa tránh và loại trừ. Còn Thiên Chúa thì luôn mời gọi con người sám hối để được tha thứ và tham dự vào hạnh phúc bất tận của Người. Dù con người phạm tội, Thiên Chúa vẫn luôn tha thứ, kiên trì nâng dậy và tiếp tục hỗ trợ để con người từ bỏ tội lỗi, sống tốt hơn, mỗi ngày vững vàng hơn, mỗi ngày trưởng thành hơn.

Thiên Chúa hành xử với tội nhân giống như người cha yêu thương đưa con mình, không như quan toà đối với phạm nhân. Thiên Chúa hằng tỏ lòng từ bi thương xót và sẵn sàng tha thứ cho con người, nhất là những ai thật lòng sám hối ăn năn.

*** Ghi nhớ:**

- **Tội là lời nói, việc làm hoặc ước muốn nghịch với luật Chúa.** tội xúc phạm đến Thiên Chúa, gây tổn thương cho bản thân và cho tình liên đới với tha nhân.

- **Tội trọng** là cố tình phạm luật Thiên Chúa trong những điều quan trọng mà ta đã kịp suy biết. Tội trọng phá huỷ đức mến trong chúng ta, đánh mất ân sủng thánh hoá và dẫn chúng ta đến cái chết đời đời trong hoả ngục nếu không sám hối. Tội trọng được tha thứ cách thông thường nhờ Bí tích Rửa Tội và Bí tích Hoà Giải.

- **Tội nhẹ** là khi lỗi phạm một điều luật nhẹ hoặc một điều luật nặng nhưng chưa kịp suy biết đầy đủ hoặc chưa hoàn toàn ứng theo. Tội nhẹ không cắt đứt tương quan với Thiên Chúa, những làm suy yếu đức mến. Tội nhẹ đáng chịu những hình phạt tạm thời để thanh luyện.

BẢY MỐI TỘI ĐẦU

I. NHỮNG CÁM DỠ TRONG ĐỜI THƯỜNG

1. Đời sống của người Kitô hữu thường bị đe dọa bởi các cám dỗ. Ta bị cám dỗ bằng nhiều cách:

- Những đam mê, dục vọng, và khuynh hướng xấu lôi kéo ta làm sự ác.
- Bị người khác làm gương xấu, quyến rũ hoặc bị quỷ thần thúc giục ta chống lại Thiên Chúa, làm điều trái ý Ngài.

2. Thiên Chúa không cám dỗ ta nhưng Người để cho ta chịu cám dỗ nhằm:

- Rèn luyện ta trưởng thành, vững chắc, bền vững trên con đường đã chọn.
- Để ta biết mình yếu đuối, cần khiêm tốn và nương tựa vào Chúa.
- Để ta biết cảm thông và đại lượng với những người yếu đuối.
- Để lập công, vì Thiên Chúa giúp sức cho ta, và trong cơn cám dỗ Người ở bên ta.

Chúng ta nên nhớ rằng: Bị cám dỗ mà thôi chưa phải là tội, vì chính Đức Giêsu cũng chịu cám dỗ trong sa mạc, nhưng Ngài đã chế ngự và chiến thắng được quỷ thần. Ta chỉ phạm tội khi ưng thuận điều bị cám dỗ hoặc chủ tâm lao mình vào cơn cám dỗ. Còn bao lâu ta cố gắng chống trả không ưng thuận điều bị cám dỗ, thì chẳng những ta không phạm tội, mà lại lập được công đáng thưởng.

II. NGUYÊN NHÂN VÀ THÁI ĐỘ ĐỐI CÁC TỘI

1. Nguyên nhân của các tội ta phạm

Các tội ta phạm thường do bảy nét xấu, quen gọi là bảy mối tội đầu: Kiêu ngạo, hà tiện, dâm ô, hờn giận, mê ăn uống, ghen ghét, lừa dối. Được gọi là tội đầu vì chúng sinh ra những tội khác, những thói xấu khác.

- Tội kiêu ngạo làm cho con người thích trở vượt, hư danh, ham muốn danh dự thái quá, và không chịu nổi kẻ khác hơn mình.

- Tội hà tiện khiến con người lòng chai dạ đá đối với tha nhân, gian ngoa, xảo quyệt và làm mọi cách để được lợi ích cho mình.

- Tội dâm dục dẫn con người đến mù quáng trí khôn, thiếu minh mẫn để xét đoán, bất chấp lẽ phải. Ngoài ra, nó còn làm cho con người trở nên ích kỷ, vô lương tâm và vô cảm đối với việc thiêng liêng.

- Tội hờn giận dẫn con người đến việc chửi nhau, ẩu đả và thậm chí giết nhau. Hờn giận khiến lòng dạ con người trở nên chật hẹp, khó tha thứ cho nhau.

- Tội vô điều độ làm nguy hại sức khoẻ. Nó khiến con người lơ là việc bổn phận, và đánh mất tư cách.

- Tội ghen ghét dễ đưa con người đến việc dèm pha, làm mất thanh danh người khác. Đau khổ khi người khác gặp may mắn và vui mừng khi họ bị rủi ro.

- Tội lừa dối làm con người mất tinh thần can đảm. Con người ngày càng trở nên nhút nhát và không trung tín trong những việc bổn phận.

2. Thái độ của Thiên Chúa đối với tội

- Thiên Chúa lên án những tội giả hình, kiêu căng.
- Đối với các tội nhân, Thiên Chúa biểu lộ lòng nhân ái, từ bi, thương xót, bênh vực và khi cần đứng về phía tội nhân. Như thế, Thiên Chúa ghét bỏ tội lỗi nhưng Ngài yêu thương tội nhân. Chính vì con người phạm tội mà Thiên Chúa đã ban chính Con Một Ngài đến cứu độ con người. Ngài kêu gọi con người sám hối và tin vào Tin Mừng để được ơn tha thứ.

3. Thái độ của chúng ta

- Nhận tội: Ai trong chúng ta cũng đều có tội, nên tiên vàn chúng ta phải nhận biết tội của mình, không bao che, lẩn trốn, chữa mình...
- Hối hận: ân hận, ăn năn, phàn nàn nhất là vị tội đã xúc phạm đến chính Thiên Chúa, Đáng là tình yêu, phạm tội là phản bội là giao ước tình yêu giữa ta và Thiên Chúa.
- Dứt khoát: Chúng ta phải dứt khoát với tội và với dịp tội dù cho có phải móc mắt, chặt chân chặt tay... nếu những cái đó nên dịp tội.
- Hoà giải: Hoà giải với Thiên Chúa hết sức sớm có thể qua bí tích Giải Tội.
- Canh tân cuộc sống: Ta cần phải canh tân đổi mới đời sống của ta mỗi ngày bằng cách nỗ lực tập luyện các nhân đức.

LUẬT LUÂN LÝ

Luật luân lý là gì?

- Là tác phẩm của Thiên Chúa như lời người Cha dạy dỗ con cái, như một phương pháp giáo dục của Thiên Chúa. Nó quy định cho con người những con đường, những quy tắc sống, đưa ta tới Thiên Chúa, cấm đi vào con đường sự dục, là bỏ Thiên Chúa.

- Là một quy tắc sống được quyền bính hợp pháp ban hành nhằm phục vụ công ích.

Nói cách khác: Luật luân lý là cách thức giáo huấn, là phương pháp sử phạm Thiên Chúa sử dụng để hướng dẫn con người tránh xa điều ác, ngõ hầu được tham dự vào đời sống vĩnh cửu của Thiên Chúa hứa ban. Vì thế, luật luân lý là những mệnh lệnh vừa có tính cách dịu dàng trong lời hứa, vừa có tính cách nghiêm khắc theo lệnh truyền. Nó giúp con người tiến tới sự hoàn thiện, nhưng cùng đích luật luân lý là chính Đức Kitô.

- Luật luân lý gồm luật tự nhiên, luật Cựu Ước và luật Tân Ước.

1. Luật tự nhiên

Ngay từ khi tạo dựng, T.C đã ban cho mỗi người quyền làm chủ và quản lý mọi hành vi của mình để đạt tới chân lý và sự thánh thiện (xc. St 1,28-30). Một trong những cách thức T.C hướng dẫn con người là ban cho họ biết dùng lý trí mà phân biệt những gì là thiện hảo, chân thật, là ác độc, và đối trá. Luật này được T.C ghi tạc trong lòng mỗi

người. “*Ta sẽ ghi vào lòng dạ chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng lề luật của Ta*” (Gr 31,33).

Luật tự nhiên chính là tiếng nói, là ánh sáng Thiên Chúa đã ghi tạc trong tâm hồn con người để sống xứng đáng là người. Nhờ luật tự nhiên, chúng ta biết được những gì phải làm và những gì phải tránh (xc. St 3,3).

Hiện diện trong trái tim và lý trí mỗi người, luật tự nhiên luôn mang tính phổ quát, bất biến và trường tồn. Luật này phù hợp với bản tính con người và trải rộng với mọi người. Trong tiếng nói lương tâm, con người được mời gọi thi hành bốn phận và xa tránh điều sai lỗi.

Luật tự nhiên là tác phẩm tuyệt vời của Đấng Tạo Hoá nên nó luôn là nền tảng để xây dựng các luật luân lý và dân luật

2. Luật Cựu Ước

Luật tự nhiên đã bị tội lỗi làm lu mờ, nên Thiên Chúa đã can thiệp. Người chọn Israel làm dân riêng, và ký kết với họ một giao ước: Thiên Chúa nhận Israel làm dân riêng, đảm bảo đời sống dân và phù trợ dân trên mọi nẻo đường. Còn Israel nhận Thiên Chúa là Chúa độc nhất phải tôn thờ (xc. Xh 19,3-8). Để giúp dân tuân giữ giao ước đó, Thiên Chúa đã ban cho dân 10 giới luật. Đó là luật Cựu ước.

Nhờ lề luật, con người tôn thờ Thiên Chúa là Chúa duy nhất (xc. Xh 20,37), không dùng tên Giavê để làm điều dối trá hay thề gian và nói phạm thượng. Hơn nữa, con người còn biết kính trọng cha mẹ, không giết người, không tà dâm, không trộm cắp... nhưng yêu thương, biết tôn trọng danh dự và tài sản của người khác.

Các giới luật cấm những gì nghịch lại với tình yêu Thiên Chúa và tha nhân. Thực thi giới luật là phương cách để chúng ta tỏ tình yêu đối với Thiên Chúa.

3. Luật Tân Ước

Luật mới là luật Phúc Âm, luật toàn hảo. Luật mới chính là tác phẩm của Chúa Giêsu và cũng là ân sủng của Chúa Thánh Thần. Luật mới được trình bày đặc biệt qua bài giảng trên núi, cũng gọi là Tám mối phúc thật (xc. Mt 5,3-12).

Luật mới hoàn thành và luật cũ tới chỗ hoàn hảo *“Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ luật Môsê, hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn”* (Mt 5,17).

Luật mới là luật của tình yêu, ân sủng và tự do: *“Đây là điều răn của Thầy: anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”* (Ga 15,12).

Ngoài những giới luật, luật mới còn gồm những lời khuyên Phúc Âm. Lời khuyên Phúc Âm thúc đẩy con người đến bậc hoàn hảo hơn: khó nghèo, khiết tịnh, vâng lời. Càng có nhiều người sống theo lời khuyên Phúc Âm, Hội Thánh càng tỏ ra sự thánh thiện.

Luật luân lý chung qui về hai điểm: mến Chúa và yêu người. Hai điều luật này chính Đức Giêsu đã khắc ghi trong tim mọi người. Chúa dạy chúng ta giữ luật vì lòng yêu mến Cha trên trời, Đáng vì yêu thương đã ban luật để ta được tham dự vào hạnh phúc vĩnh cửu của Người. Đức Giêsu đã làm cho luật trở nên nhẹ nhàng nhờ động lực tình yêu : *“Ach của Ta êm ái, gánh của Ta nhẹ nhàng”* (Mt 11,30).

Tóm lại

- Luật tự nhiên là luật được Thiên Chúa ghi khắc trong tâm hồn mọi người, ở mọi nơi và mọi thời để giúp lý trí phân biệt điều thiện, điều ác.

- Luật Cựu Ước là luật Thiên Chúa đã ban cho dân Israel qua Môsê tại núi Sinai, gồm tóm trong mười điều răn.

- Luật Tân Ước là luật đã được Đức Giêsu công bố cách đặc biệt trong bài giảng trên núi. Luật Tân ước là luật yêu thương, luật ân sủng và tự do.

- Các lời khuyên Phúc Âm là những lời mời gọi và các chỉ dẫn đặc biệt để giúp ta đạt tới mức hoàn hảo hơn trên con đường thiêng liêng, nhưng tùy theo ơn gọi của mỗi người.

Bài 9

TÔN THỜ THIÊN CHÚA

1. Con người phải tôn thờ một mình Thiên Chúa

Điều răn thứ nhất trong Mười Điều Răn dạy rằng: con người phải tôn thờ Thiên Chúa, và chỉ thờ phượng một mình Người mà thôi. Điều này đã được Dân Chúa tuân giữ một cách hết sức cẩn thận. Bởi vì, việc tôn thờ này có liên quan trực tiếp đến đời sống và sự tồn tại của chính dân tộc và cá nhân mỗi người. Vì thế, sách Đệ nhị Luật đã ghi lại những lời sau :”Nghe đây, hỡi Ít-ra-el, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa. Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ, hết sức anh em. Những lời này tôi truyền cho anh em hôm nay, anh em phải nghi lòng tạc dạ. Anh em phải lặp lại những lời ấy cho con cái, phải nói lại cho chúng, lúc ngồi trong nhà cũng như lúc đi đường, khi đi ngủ cũng như khi thức dậy” (Đnl 6,4-7). Đức Giêsu cũng đã nói với người thông luật rằng: *“Người phải thờ lạy Đức Chúa là Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi”* (Lc 4,8). Thờ phượng Thiên Chúa là nhìn nhận sự hư vô bất lực của mình, nên phải lệ thuộc hoàn toàn vào Thiên Chúa là Đấng sáng tạo và cứu chuộc duy nhất. Thờ phượng Thiên Chúa còn là thể hiện lòng tin cậy mến đối với Người.

Cũng cần biết rằng, thờ phượng Thiên Chúa phải trở thành một nhân đức, là nhân đức thờ phượng. Nhân đức tin này được các nhân đức Tin, Cây, Mến hướng dẫn.

a. Đức Tin

Muốn sống cho phải đạo, con người phải tin vào Thiên Chúa, yêu mến và vâng phục Người. Những lệch lạc và sai lầm về luân lý bắt nguồn từ chỗ không tin Thiên Chúa hoặc từ chối niềm tin vào Người. Cho nên điều răn thứ nhất đòi hỏi chúng ta phải giữ gìn, nuôi dưỡng đức tin và xa tránh những gì nguy hiểm cho đức tin.

Có những tội nghịch đức tin như từ chối hoặc nghi ngờ tin vào những điều Thiên Chúa đã mặc khải, và Hội Thánh đã giảng dạy.

Khi chối bỏ hay tin sai lạc một chân lý phải tin là lạc đạo, là rối đạo

Hoàn toàn chối bỏ niềm tin Kitô giáo là bỏ đạo

Khi không vâng phục Đức Giáo Hoàng hay từ chối hiệp thông với Hội Thánh thì gọi là ly giáo.

b. Đức Cây

Trông cây là tin tưởng và mong chờ phúc lành của Thiên Chúa ở đời này, và được hạnh phúc với Người ở đời sau. Đây chính là đức hy vọng mà con người cần nuôi dưỡng trong niềm tin vào Thiên Chúa. Vì điều này nên:

- Khi nghi ngờ và không còn tin tưởng vào lòng nhân từ và trung thành của Thiên Chúa, con người không còn mong đợi ơn tha thứ và ơn cứu độ của Thiên Chúa. Đó là tuyệt vọng.

- Khi con người quá cậy tài sức của mình mà không cần ơn Chúa, hoặc khi quá cậy trông vào lòng nhân từ và quyền năng của Thiên Chúa, mà không cần cộng tác với ơn Chúa, để được hưởng ơn cứu độ. Đó là tự cao tự đại.

c. Đức Mến

Niềm tin vào tình yêu Thiên Chúa bao hàm tiếng gọi và nghĩa vụ đáp lại tình yêu của Chúa bằng một lòng yêu mến chân thành. Đức mến, mời gọi một sự phó thác trọn vẹn vào bàn tay quan phòng của Thiên Chúa. Vì thế, một khía cạnh khác của điều răn thứ nhất dạy ta phải yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết sức, trên hết mọi sự và mau mắn làm theo ý Chúa để đáp lại tình chúa thương ta. Tình yêu này giúp ta vượt thắng mọi cám dỗ về tiền bạc, của cải, danh vọng...

Người ta có thể phạm tội nghịch nhân đức mến:

- Dửng dưng hay từ chối tình yêu Thiên Chúa
- Thờ ơ, lười biếng trong các bổn phận đối với Chúa,
- Thù ghét, chống lại, và nguyên rủa Thiên Chúa.

2. Thể hiện lòng tôn thờ Thiên Chúa

a. Tự do tôn giáo

Con người được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa (xc. St 1, 27), được tham dự vào chính sự tự do của Thiên Chúa. Đây là phẩm giá cao quý của con người. Sự tự do này càng có ý nghĩa và giá trị trong việc tìm kiếm và sống theo chân lý. Đó là quyền tự do tôn giáo. “Con người có quyền tự do tôn giáo. Trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị ngăn cấm hành động theo lương tâm”. Ngoài ra, vì con người được mời gọi thể hiện lòng tôn thờ Thiên Chúa, thể hiện qua:

b. Các lời hứa và khấn

Khi lãnh nhận bí tích Rửa tội, Thêm sức, Hôn phối và Truyền chức thánh, người Kitô hữu đã có những lời hứa. Ngoài ra, do lòng sùng kính, người Kitô hữu có thể hứa với

Chúa sẽ làm việc này việc kia. Những lời hứa này bày tỏ lòng yêu mến đối với Thiên Chúa và tin tưởng Người là Đấng toàn năng và trung thành

Khấn là tự hiến thân cho Thiên Chúa hoặc là hứa với Thiên Chúa cách tự nguyện và ý thức, sẽ làm một điều tốt lành nào đó (x. GL 1191,1). Hội Thánh công nhận giá trị gương mẫu của những lời khấn hứa thực hành ba lời khuyên Phúc Âm của các tu sĩ nam nữ.

c. Việc tôn kính ảnh tượng

Thiên Chúa là Đấng thiêng liêng và siêu việt. Người không có hình hài, thân xác. Việc tạc tượng ảnh về Thiên Chúa là sai lạc. Vì thế Thiên Chúa đã nghiêm cấm tạc và thờ bất cứ các ảnh tượng về Người (xc. Xh 32, 7-10). Tuy nhiên, khi Con Thiên Chúa làm người có hình hài, có thân xác (x. Ga 1, 14) việc tôn kính ảnh tượng Đức Giêsu, Đức Maria và các thánh là điều hợp lý.

Khi tôn kính ảnh tượng Đức Giêsu, Đức Maria và các thánh, chúng ta không tôn kính khúc gỗ, khối đá, tấm giấy... nhưng tôn kính chính Đức Giêsu, vị thánh có hình ảnh đó. Việc tôn kính ảnh tượng là phương thế giúp chúng ta cầu nguyện, sống mẫu nhiệm hiệp thông với các thánh và huấn luyện đời sống đức tin. Vì các ngài chính là gương mẫu cho đời sống đức tin của chúng ta.

3. Các tội nghịch điều răn thứ nhất hay nhân đức thờ phượng

Điều răn thứ nhất cấm không được tôn thờ thần linh nào khác ngoài Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất và cũng cấm mọi hình thức mê tín dị đoan.

- *Mê tín dị đoan*: Khi có sự lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và những cách thể hiện tâm tình đó.

- *Tôn thờ ngẫu tượng*: Khi tôn thờ bất cứ tạo vật nào thay thế Thiên Chúa, hay ngang hàng Thiên Chúa. Điều răn thứ nhất lên án thuyết đa thần.

- *Bói toán và ma thuật*: Tất cả những hình thức bói toán nhằm biết vận mệnh tương lai, đều trái nghịch với lòng tôn kính và phò thác cho Thiên Chúa. Những cách thực hành ma thuật và phù thủy nhằm có một quyền hành bí ẩn đối với đồng loại, đều nghịch với đức thờ phượng.

- *Vô tôn giáo*: Dùng lời nói hoặc hành vi để thử quyền phép Thiên Chúa: tội phạm sự thánh và buôn thần bán thánh.

- *Thuyết vô thần*: Là chối bỏ Thiên Chúa hiện hữu, hoặc khước từ lệ thuộc vào Thiên Chúa, để đặt tất cả hy vọng, hạnh phúc và cùng đích nơi vật chất cũng như nơi con người.

- *Thuyết bất khả tri*: Không chối bỏ Thiên Chúa, nhưng chủ trương Thiên Chúa không thể mặc khải cho con người, và con người không thể nói gì, biết gì về Thiên Chúa.

TÔN KÍNH DANH THIÊN CHÚA

Điều răn thứ hai cũng thuộc về nhân đức thờ phượng như điều răn thứ nhất, nhưng liên quan đặc biệt đến lời nói và các sự thánh. Chúng ta được mời gọi không những tôn kính danh Chúa, mà còn tôn kính tất cả những người, những vật đã được dâng hiến cho Chúa.

1. Danh thánh Chúa

Khi mặc khải Danh Thánh cho con người, Thiên Chúa mặc khải chính sự thánh thiện siêu việt của Người. Danh Người là thánh (xc. Lc 1, 49) như chính Thiên Chúa là Đấng Thánh. Người Kitô hữu phải tôn kính Danh Thiên Chúa bằng cách can đảm tuyên xưng đức tin cho mọi người “*Chúng con nguyện danh Cha cả sáng*”. Do đó, việc rao giảng và huấn giáo phải được thực hiện trong tinh thần thờ phượng và tôn kính Danh Thiên Chúa.

“Tên” chỉ chính người, nên tôn kính tên người nào là tôn kính chính người ấy. Danh Chúa là thánh, nên đòi buộc con người phải tôn kính. Do đó, việc kêu cầu Danh Chúa phải thấm nhuần lòng tin tưởng bên trong và biểu lộ sự kính trọng bên ngoài (không kêu tên Chúa vô cớ).

Điều răn thứ hai còn dạy chúng ta phải tôn trọng những người, những nơi và những vật đã được dâng hiến cho Chúa như các linh mục, tu sĩ, nhà thờ, đất thánh, ảnh tượng đã làm phép... phải đặc biệt tôn kính các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể. Khinh dễ hay xúc phạm đến Hội Thánh, phạm đến các thánh, các nơi thánh, vật thánh, người được thánh hiến... là tội phạm thánh.

2. Những sai phạm đối với điều răn thứ hai

Điều răn thứ hai cấm lạm dụng Danh Thiên Chúa, nghĩa là kêu tên hay sử dụng Danh Thiên Chúa cách bất xứng, không mang một mục đích của sự cầu xin hay kêu cầu sự trợ giúp cách chân thật (xc. Cv 3,1-8). Ngoài ra, chúng ta cũng có thể nói đến việc kêu danh thánh của Đức Maria và cách thánh.

Những lời hứa với tha nhân nhân Danh Thiên Chúa đều liên hệ đến danh dự, sự trung thành, chân thật và uy quyền của Thiên Chúa, nên phải được tôn trọng theo lẽ công bình. Thất hứa là lạm dụng danh Thiên Chúa, biến Thiên Chúa thành kẻ nói dối (xc.1 Ga 1,10).

Đặc biệt, khi người ta dám kêu cầu Danh Thiên Chúa vì mục đích gian dối của mình. Khía cạnh khác của điều răn thứ hai chính là cấm thề gian. Vì, thề là lấy Chúa làm chứng cho điều mình xác quyết, là kêu cầu Thiên Chúa chân thật để bảo đảm mình nói thật. Lời thề là lời cam kết nhân Danh Thiên Chúa.

Bội thề là thề hứa một điều gì nhưng không có ý giữ hay không giữ lời thề. Người bội thề thiếu lòng tôn kính nghiêm trọng đối với Thiên Chúa, họ làm một việc xấu là phạm đến thánh danh Thiên Chúa.

3. Con người mang “danh Kitô hữu”

Chúng ta lãnh nhận bí tích Thánh tẩy “*nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần*”. Trong bí tích này, Danh Thiên Chúa thánh hoá con người và người này nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Việc được mang danh Kitô, người tín hữu được mời gọi cộng tác làm cho danh ấy được triển nở và trên hết là lời mời gọi nhằm tôn vinh

Danh Thiên Chúa. Vì thế: người Kitô hữu khi thức dậy, khi bắt đầu kinh nguyện và việc làm, đều làm dấu Thánh giá. Họ dâng trọn ngày sống để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu Đấng Cứu Thế ban ân sủng giúp họ hành động trong Thánh Thần như con thảo của Chúa Cha. Dấu Thánh giá giúp ta mạnh sức vượt qua các cơn cám dỗ và những lúc khó khăn.

THÁNH HOÁ NGÀY CHÚA NHẬT

1. Ngày Sabát

“Ngày thứ bảy là một ngày Sabát, một ngày nghỉ hoàn toàn để hiến dâng cho Đức Chúa” (xc. Xh 31,15).

Ngày Sabát nhắc lại công trình sáng tạo của Thiên Chúa (xc. Xh 20,11) và tưởng nhớ công cuộc giải phóng dân Israel khỏi ách nô lệ Ai Cập (xc. Đnl 5,15). Như vậy, dân Israel phải tuân giữ ngày Sabát như dấu chỉ của giao ước vững bền. Không những dành ra để ca tụng công trình sáng tạo và nhớ đến việc giải phóng, ngày Sabát còn là ngày nghỉ ngơi của dân Chúa theo mẫu gương của chính Thiên Chúa.

Chúa Giêsu công nhận sự thánh thiêng của ngày Sabát và Người dùng thẩm quyền thần linh để đưa ra giải thích đích thực về ngày này: “Ngày Sabát được lập ra vì loài người chứ không phải loài người vì ngày Sabát (Mc 2, 27).

2. Ý nghĩa và sự mới mẻ của ngày Chúa nhật so với ngày Sabát

a. Ngày Chúa nhật thay thế ngày Sabát vốn là ngày tưởng nhớ việc hoàn tất công trình sáng tạo lần thứ nhất. Ngày Chúa nhật tưởng nhớ công trình sáng tạo mới được khai mở với biến cố Đức Kitô phục sinh.

Ngày xưa, Thiên Chúa đã thổi hơi trên xác thể con người vừa được tạo thành (xc. St 2,7) làm cho con người có sinh khí, có sự sống ; ngày nay Đức Giêsu phục sinh “thổi hơi” và ban Thánh Thần cho các tông đồ (xc. Ga 20,22)

làm cho các ông được bình an, được vui mừng và ra đi loan báo Tin Mừng cho muôn người.

Đức Giêsu phục sinh đã biến đổi nỗi buồn, lo sợ của các tông đồ trở thành niềm vui, trở thành sức sống mới... Như vậy ngày Chúa sống lại trở thành ngày sáng tạo mới, ngày thứ nhất của mọi ngày: mọi sự được đổi mới trong Đức Kitô (xc. 2 Cr 5,15.17).

b. Ngày Chúa nhật hoàn tất ý nghĩa ngày lễ nghỉ Do Thái và hướng tới sự nghỉ ngơi muôn đời nơi T.C.

Giữa ngày Chúa nhật và ngày Sabát có một tương quan vừa mang tính liên tục vừa mang ý nghĩa mới mẻ. Liên tục vì không có mâu thuẫn giữa hai giao ước, ngày Sabát đặt nền tảng trên giao ước cũ, còn ngày Chúa nhật hoàn tất những gì giao ước cũ loan báo và là ngày được phát sinh từ giao ước mới trong máu Đức Kitô. Ý nghĩa mới mẻ của ngày Chúa nhật dựa vào sự hiện diện của Chúa Kitô Phục sinh trong cộng đoàn phụng tự, chính sự hiện diện của Ngài bảo đảm và làm cho ngày Chúa nhật không thuần túy là công việc của con người, Ngài hiện diện để hiện tại hoá công trình cứu độ, và để làm cho chúng ta trở nên những con người tự do trong Thánh Thần Ngài ban tặng.

Hơn nữa, Đức Giêsu sống lại vào ngày thứ nhất, sau khi “an nghỉ” trong mồ ngày Hưu lễ, Chúa đã khai mạc “ngày mà Chúa đã làm nên”(xc. Tv 117,24). Do đó, ngày Chúa nhật hoàn tất ý nghĩa ngày lễ nghỉ Do Thái và hướng tới sự nghỉ ngơi muôn đời nơi Thiên Chúa.

Việc cử hành ngày Chúa nhật chu toàn giới luật của Cựu ước, khi lấy lại chu kỳ và tinh thần của luật đó bằng cách hàng tuần tôn vinh Đấng Sáng Tạo và Đấng Cứu Chuộc con người.

3. Thánh hoá ngày Chúa nhật

Ngày nay, ngày Chúa nhật đã trở thành ngày nghỉ của mọi dân tộc, mọi quốc gia vì ngày ấy không chỉ có tính cách tôn giáo mà còn mang tính xã hội.

a. Tham dự Thánh lễ

Ngay từ thời các tông đồ, Chúa nhật là ngày tập hợp các tín hữu để cử hành Thánh Thể (xc. Cv 2,42). Do đó, việc đầu tiên của người tín hữu phải làm trong ngày Chúa nhật là tham dự Thánh lễ. Việc tham dự này phải là sự tham dự tích cực, ý thức, sinh động và đầy đủ.

b. Nghỉ ngơi phân xác

Cũng như Thiên Chúa “*đã nghỉ ngơi ngày thứ bảy sau tất cả các công việc Người đã làm*” (xc. St 2,2), cuộc sống của con người cũng cần có những thời giờ nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi công việc lao động vừa để thân xác được “*xả hơi*” tránh bớt những gánh nặng của lao động, vừa để “*lấy hơi*” hồi phục sức khoẻ để có sức tiếp tục công việc.

Ngày Chúa nhật còn là ngày phát huy đời sống gia đình thêm tươi thắm, tốt đẹp ; phát huy quan hệ giao lưu với xóm làng, sinh hoạt văn hoá, thể thao, và như vậy là phát huy tình liên đới.

c. Làm việc thiện

Ngày Chúa nhật còn là ngày làm việc thiện, thăm viếng những anh em nghèo khổ, bệnh tật, an ủi những người neo đơn (xc. Mc 3,4).

Tóm lại : Luật buộc nghỉ ngày Chúa nhật là một đóng góp quý báu cho sinh hoạt tinh thần của xã hội loài người, vì giúp mọi người có thời giờ để nghỉ ngơi và chăm lo đời sống gia đình, văn hoá, xã hội và tôn giáo.

THẢO KÍNH MẸ CHA

1. Bản chất và vai trò của gia đình trong xã hội

- Hôn nhân và gia đình được thiết lập trên sự ưng thuận của đôi vợ chồng, nhằm vào lợi ích của họ cũng như vào việc sinh sản và giáo dục con cái.

- Gia đình là tế bào căn bản của đời sống xã hội trong việc tận hiến cho nhau và thông truyền sự sống, là nền tảng cho sự tự do, an ninh và tình huynh đệ của xã hội.

- Gia đình là nôi đầu tiên học biết tôn trọng những giá trị luân lý, và biết sử dụng tự do. Gia đình phải sống hết trách nhiệm đối với mọi thành phần : người trẻ, người già, bệnh tật, neo đơn, nghèo khổ..

- Những tương quan nhân vị tốt đẹp trong gia đình sẽ là chuẩn bị cho tương quan với thân tộc hay với những người khác trong xã hội được tốt đẹp.

2. Bản chất và vai trò của gia đình kitô giáo

- Ngoài những yếu tố như trên, thì gia đình Kitô giáo hình thành cách bền chặt từ bí tích hôn nhân giữa 2 người nam nữ yêu thương nhau, sinh sản và giáo dục con cái, nhằm phản ánh tình yêu Thiên Chúa và công trình sáng tạo của Chúa Cha.

- Gia đình Kitô giáo được gọi là “*Hội thánh tại gia*” vì:

+ là cộng đoàn đức tin, đức cậy, đức mến và chiếu giải những nhân đức ấy.

+ là dấu chỉ đời sống hiệp thông nơi cộng đoàn Ba Ngôi.

+ là trường học đầu tiên để trẻ học biết tôn thờ Thiên Chúa, khơi dậy ơn gọi theo Chúa Kitô và có sứ mạng loan báo Tin mừng truyền giáo giữa thế gian.

- Các phần tử trong gia đình Kitô giáo bình đẳng về nhân phẩm, thực hiện tốt quyền lợi và trách nhiệm đối với nhau, đặc biệt thể hiện sự đồng tâm nhất trí giữa vợ chồng và việc giáo dục con cái, cũng như con cái có bổn phận hiếu kính cha mẹ.

3. Bổn phận của các phần tử trong gia đình

a. Bổn phận cha mẹ đối với con cái

Cha mẹ đã sinh thành thì phải dưỡng dục con cái về mọi mặt: nhân bản, đức tin. Đó không chỉ là quyền mà còn là bổn phận không thể thay thế. Cha mẹ là người có trách nhiệm trước hết trong việc giáo dục.

- *Về mặt nhân bản*

- Trước hết cha mẹ phải xây dựng một tổ ấm gia đình, bao gồm nhiều yếu tố như dịu hiền, tha thứ, tôn trọng, trung tín và phục vụ vô vị lợi. Tổ ấm ấy là nơi tốt nhất để tập các nhân đức: quên mình, phán đoán lành mạnh, tự chủ... Tổ ấm ấy là môi trường tự nhiên để huấn luyện sống tình liên đới và tinh thần trách nhiệm trong cộng đồng.

- Cha mẹ có trách nhiệm làm gương tốt cho con cái, sẵn sàng nhận lỗi mình trước con cái, đó là điều khiến họ dễ hướng dẫn và sửa dạy chúng hơn.

- *Về mặt đức tin*

- Nhờ ơn bí tích Hôn phối, cha mẹ nhận trách nhiệm và đặc quyền giáo dục đức tin cho con cái. Cha mẹ là những sứ giả đầu tiên của đức tin, khai tâm cho con về các mầu nhiệm đức tin từ lúc chúng còn nhỏ.

- Cha mẹ có sứ mạng dạy cho con cái biết cầu nguyện và khám phá ra ơn gọi làm con Thiên Chúa.

- Khi con cái còn nhỏ, cha mẹ tôn trọng và yêu thương chúng qua việc chăm sóc và lưu tâm dưỡng dục, đáp ứng nhu cầu thể xác và tâm linh của chúng. Khi chúng lớn lên, cha mẹ tôn trọng và tận tụy giáo dục con cái biết sử dụng lý trí và tự do.

- Cha mẹ cũng phải quan tâm đến việc chọn lựa trường học, hay tham gia góp ý chọn lựa nghề nghiệp và bậc sống cho con cái để sống thích hợp với Tin mừng...

b. Bốn phận con cái đối với cha mẹ

- Vì ơn nghĩa sinh thành và dưỡng dục, chính luật Chúa đòi hỏi con cái phải hiếu kính cha mẹ. Nên con cái dù lớn hay nhỏ đều phải hiếu thảo với cha mẹ. Hiếu thảo trước hết là biết ơn những người đã sinh thành dưỡng dục. Lòng hiếu thảo được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn và vâng phục chân thành. *“Hỡi con, lệnh cha con truyền, hãy lo tuân giữ; lời mẹ con dạy, chớ bỏ ngoài tai...”* (Cn 6,20).

- Bao lâu còn sống chung với cha mẹ, phải tuân giữ lời cha mẹ, đón nhận lời khuyên cáo vì lợi ích của mình và của gia đình. Khi không còn sống chung, vẫn tôn kính cha mẹ trong sự kính sợ Thiên Chúa, *“vì đó là điều đẹp lòng Chúa”* (Cl 3,20).

- Khi khôn lớn, con cái phải có trách nhiệm giúp đỡ cha mẹ cả vật chất lẫn tinh thần, trong lúc bệnh tật, già yếu, cô đơn hay hoạn nạn. *“Ai tôn kính cha thì bù đắp lỗi lầm, ai trọng kính mẹ thì tích trữ kho báu”* (Hc 3,2).

- Lòng thảo kính cha mẹ giúp cho anh chị em biết thương nhau, nhờ đó cả gia đình được hoà thuận: *“Hãy ăn ở*

khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại; hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau” (Ep 4,2).

- Ngoài ra, các Kitô hữu còn phải biết ơn những người đã giúp mình lãnh nhận đức tin và được sống trong Hội thánh : ông bà, chú bác cô dì, giáo sĩ, tu sĩ, GLV, thầy cô, bạn hữu...

4. Bổn phận của xã hội đối với gia đình và gia đình Kitô giáo

- Gia đình rất cần thiết cho đời sống và phúc lợi xã hội, nên xã hội đặc biệt có trách nhiệm nhìn nhận, nâng đỡ, bênh vực và củng cố hôn nhân và gia đình, cụ thể là tôn trọng cơ chế gia đình qua các quyền sau:

+ quyền tự do lập gia đình, sinh con cái và giáo dục chúng theo những xác tín luân lý và tôn giáo của mình.

+ quyền tự do tuyên xưng đức tin, giáo dục đức tin cho con cái bằng những phương tiện và cơ chế cần thiết.

+ quyền tư hữu, tự do làm việc, có việc làm, nhà ở, tự do di cư, được chăm sóc y tế trợ cấp tuổi già, được bảo vệ an ninh và cuộc sống lành mạnh, no đủ...

+ quyền tự do liên kết với các gia đình khác để lập hội đoàn và như thế, được đại diện bên cạnh công quyền.

5. Bổn phận của công dân đối với nhà cầm quyền

- Liên quan đến việc hiếu kính, chúng ta cũng phải tôn trọng những ai được Thiên Chúa trao ban quyền bính trong xã hội để mưu ích cho chúng ta. Người cấp dưới coi họ như những người thay mặt Thiên Chúa: *“Hãy vì Chúa mà tùng phục mọi cơ chế của loài người” (1Pr2,13)*. Công dân phải góp phần với chính quyền để mưu ích cho xã hội trong tinh thần thành thật, công bằng, liên đới và tự do;

thực hiện mọi trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên không được theo những gì trái lương tâm, luân lý hay quyền cơ bản của con người, hoặc giáo huấn Phúc Âm.

- Còn nhà cầm quyền phải hoàn toàn tôn trọng các quyền căn bản của con người trong công bình, nhân đạo, nhất là quyền của các gia đình và người cùng khổ.

TÔN TRỌNG SỰ SỐNG

1. Tôn trọng sự sống con người

- Sự sống con người có giá trị linh thánh vì ngay từ khởi đầu, sự sống đã do chính T.C tạo dựng, và mãi mãi có liên hệ đặc biệt với Đấng Tạo Hoá là cùng đích của nó. Chuyện Cain giết Abel là hậu quả của nguyên tội.

- Để bảo vệ sự sống, Thiên Chúa đã ban giới luật thứ năm trong mười giới răn : “*Người không được giết người*” (Xh 20,13). Giết người là lỗi nặng phạm đến phẩm giá con người, phạm đến luật vàng của Đức Kitô và sự thánh thiện của Đấng Sáng Tạo. Luật cấm giết người có giá trị phổ quát, buộc mọi người và mỗi người, mọi lúc và mọi nơi.

* *Tự vệ chính đáng*

- Yêu mến bản thân là một nguyên tắc căn bản của luân lý. Ta có quyền đòi hỏi mọi người phải tôn trọng quyền sống của ta. Nếu vì bảo vệ sự sống mình mà phải giết kẻ gây hấn, thì không phạm tội giết người.

- Sự tự vệ chính đáng này không những là một quyền mà còn là một bổn phận cốt yếu của những ai có trách nhiệm đối với sự sống người khác, đối với lợi ích chung của gia đình hay xứ sở.

- Để bảo vệ lợi ích chung của xã hội, họ phải làm cho kẻ gây hấn không thể tác hại họ được nữa.

** Hình phạt*

- Mục đích đầu tiên của hình phạt là đền bù lại những thiệt hại do lỗi lầm gây ra. Nếu phạm nhân tự nguyện chấp nhận thì hình phạt có giá trị đền tội.

- Ngoài việc bảo vệ trật tự công cộng và an ninh cho mọi người, hình phạt còn có mục đích chữa trị: trong mức độ có thể được, hình phạt phải góp phần cải hoá phạm nhân (xc. Lc 23,40-41).

2. Những tội nghịch điều răn thứ năm

a. Tội cố ý giết người

- Người trực tiếp cũng như kẻ cộng tác cố ý giết người là phạm tội nặng, tội kêu oán thấu trời (xc. St 4,10). Nếu giết con cái, anh em, cha mẹ, vợ chồng là những tội ác ghê tởm, vì cắt đứt cả tình nghĩa máu mủ tự nhiên.

- Ai cố ý gây chết người cách gián tiếp, nghĩa là để mặc cho người khác phải nguy tử, hoặc từ chối giúp người đang gặp nguy tử cũng phạm điều răn này.

b. Phá thai

- Phải tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ sự sống con người ngay từ lúc thụ thai. Bào thai phải được đối xử như một nhân vị, được bảo vệ toàn vẹn, được chăm sóc chữa trị với hết khả năng như mọi người.

- Nếu trực tiếp phá thai nghĩa là dùng việc phá thai như một mục đích, hay một phương tiện đều trái luân lý cách nặng. Cộng tác tích cực vào việc phá thai cũng là tội nặng “*Ai thực hiện việc phá thai có kết quả thì mắc vạ tuyệt thông*”(GL 1348). Điều đó nói lên sự trầm trọng của tội phá thai, và sự thương tổn đã gây ra cho trẻ vô tội bị giết chết, cho cha mẹ và xã hội.

c. Làm chết êm dịu

- Những người đau yếu, khuyết tật cần được nâng đỡ để sống đời bình thường như có thể được. Trục tiếp làm cho họ chết êm dịu dù với bất cứ lý do hay trong phương tiện nào đều không thể chấp nhận được về luân lý, vì nghịch với phẩm giá con người và xúc phạm đến Đấng Tạo Hoá.

- Nếu ngưng dùng các thuốc quá tốn kém, nguy hiểm, quá khác thường hoặc không xứng với kết quả mong muốn, và vì thế đương sự phải chết thì hợp pháp. Vì không phải muốn làm chết, nhưng chỉ là chấp nhận không thể ngăn được sự chết.

d. Tự sát

- Mỗi người phải chịu trách nhiệm về sự sống của mình trước mặt Thiên Chúa là Đấng ban sự sống, là chủ của sự sống. Chúng ta có bổn phận đón nhận với lòng biết ơn và gìn giữ sự sống để tôn vinh Thiên Chúa và được cứu độ.

- Tự sát nghịch với khuynh hướng tự nhiên muốn bảo tồn và kéo dài sự sống của con người và xúc phạm đến tình yêu đối với người thân cận, vì nó cắt đứt một cách bất công những mối giây liên đới với gia đình, quốc gia và nhân loại mà chúng ta có trách nhiệm.

- Người tự sát vì những rối loạn tâm thần trầm trọng, quá lo âu và sợ hãi trước một thử thách, trước đau khổ hoặc sợ bị tra tấn, có thể được giảm bớt trách nhiệm.

- Ta không được tuyệt vọng coi người tự sát là đã mất ơn cứu độ, vì Thiên Chúa có đủ cách để tạo cơ hội cho họ ăn năn sám hối. Hội Thánh vẫn cầu nguyện cho những người huỷ hoại mạng sống mình.

3. Tôn trọng phẩm giá con người

a. Tôn trọng sự sống thiêng liêng

- Làm gương xấu là căm dỗ người khác, là phá hoại nhân đức và sự ngay chính, là lôi kéo người khác vào chỗ mất linh hồn. Gương xấu là tội nặng, khi dùng hành động hoặc không hành động để cố tình làm cho người khác phạm tội nặng.

- Gương xấu trở thành tội nặng đặc biệt tùy theo uy thế của người gây ra, (thầy dạy, nhà giáo dục) và tùy theo sự yếu đuối của người chịu ảnh hưởng của nó “*Ai làm có cho một trong những kẻ bé mọn đang tin Thầy đây phải sa ngã, thì thà treo cối đá lớn vào cổ nó mà xô xuống biển còn hơn*” (Mt 18,6).

- Luật pháp, cơ chế, thời trang, dư luận đều có thể gây gương xấu, và bất cứ người nào cũng có thể gây gương xấu. Làm gương xấu thì phải chịu trách nhiệm về hậu quả xấu mà mình trực tiếp hay gián tiếp gây ra.

b. Tôn trọng sức khỏe

- Sự sống và sức khỏe phần xác là của cải quý báu T.C trao ban, chúng ta phải chăm lo cho hợp lý, đồng thời phải tôn trọng những nhu cầu của người khác và của công ích. Luân lý đòi phải tôn trọng sự sống thể xác, nhưng không coi đó là một giá trị tuyệt đối. Luân lý cũng chống lại quan niệm tôn thờ thân xác, hy sinh tất cả cho thân xác, tôn thờ sự toàn mỹ của thân thể và các thành tích thể dục thể thao.

- Cần phải giữ nhân đức tiết độ, tránh mọi thứ thái quá về ăn nhậu, hút thuốc... Những người nghiện rượu hoặc

ham chạy xe tốc độ cao, gây nguy hiểm đến sự an toàn của người khác cũng như chính mình đều có tội nặng.

- Dùng ma túy làm huỷ hoại sức khoẻ và sự sống mình là tội nặng, trừ khi để chữa bệnh. Bí mật sản xuất và buôn lậu ma túy là tội ác, vì cộng tác trực tiếp vào các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật luân lý, do hậu quả lợi cuốn người ta phạm tội.

c. Tôn trọng con người và nghiên cứu khoa học

- Những thí nghiệm khoa học, y học hoặc tâm lý, trên những con người hoặc các nhóm người, có thể góp phần vào việc chữa bệnh và thăng tiến sức khoẻ con người.

- Những nghiên cứu trên thân thể con người, không thể cho phép những hành vi tự chúng nghịch với phẩm giá con người và luật luân lý, dù đương sự có ưng thuận cũng không được. Về mặt luân lý, không được phép thí nghiệm trên con người nếu thấy trước những rủi ro không cân xứng hay có thể tránh được cho mạng sống và sự toàn vẹn tâm sinh lý của đương sự.

d. Tôn trọng sự toàn vẹn của thân thể

- Những vụ bắt cóc và bắt làm con tin để gây kinh hoàng, và dùng đe dọa gây áp lực khủng khiếp cho nạn nhân, đều không hợp luân lý.

- Việc khủng bố bằng đe dọa, gây thương tích và giết chết không cần phân biệt gì cả, là nghịch nặng với đức công bình và bác ái.

- Việc tra tấn dùng bạo lực đối với thân xác hay tinh thần cốt để lấy cung, để trừng phạt phạm nhân, gây khiếp sợ cho kẻ chống đối, thoả mãn lòng căm thù, đều nghịch với sự tôn trọng con người và phẩm giá họ.

- Việc cố ý trực tiếp cắt bỏ hoặc làm vô sinh một phần thân thể của người vô tội đều trái luật luân lý, trừ khi chữa trị theo y học.

e. Tôn trọng người chết

- Phải chú ý chăm sóc người đang hấp hối, để giúp họ sống những giây phút cuối đời trong danh dự và an bình, bằng lời cầu nguyện, và giúp họ lãnh nhận các bí tích để họ sửa soạn gặp gỡ Thiên Chúa.

- Xác người qua đời phải được kính trọng yêu mến với niềm tin và hy vọng xác sẽ sống lại. Việc chôn cất người chết là việc thương xót thể xác, để tỏ lòng tôn kính con cái Thiên Chúa, là đền thờ Chúa Thánh Thần.

Như vậy, việc hiến tặng các phần thân thể sau khi chết là hợp pháp và đáng khen. Hội Thánh cho phép hoả táng nếu không tổn hại đến niềm tin về việc xác sống lại.

4. Bảo vệ hoà bình

- Khi Chúa dạy “*Chớ giết người*”(Mt 5,21) là đòi hỏi có hoà bình trong tâm hồn. Người kết án cơn giận dữ giết người và lòng thù ghét.

- Người Kitô hữu không được ước muốn trả thù điều ác của kẻ đáng trừng phạt”, nhưng được phép bắt họ làm một việc đền bù “để sửa chữa tính xấu và bảo tồn công lý”. Giận dữ đến độ muốn giết chết, hay làm bị thương người khác, là vi phạm nặng nề đức ái, là phạm một trọng tội.

- Thù ghét tha nhân là một tội khi cố tình ước muốn điều dữ cho người ấy, và sẽ là một tội nặng khi muốn cho họ bị tai hại nặng nề, vì “*phải yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em*”(Mt 5,44).

- Hoà bình trên trần thế là hình bóng và hoa trái của bình an của Đức Kitô. Phúc cho ai xây dựng hoà bình (Mt 5,9).

- Cần phải xa lánh chiến tranh, vì nó gây nên bao tai hoạ và bất công. Nhưng mọi người có quyền tự vệ chính đáng bằng quân sự.

- Hoà bình chỉ thật sự đến khi con người hiệp nhất trong tình thương, con người vượt thắng được tội lỗi thì cũng vượt thắng được bạo lực, hận thù.

SỐNG KHIẾT TỊNH

“Thiên Chúa là tình yêu, Người sống mẫu nhiệm hiệp thông và tình yêu nơi chính bản thân. Khi tạo dựng con người theo hình ảnh mình ... Thiên Chúa trao ban cho người nam và người nữ một thiên chức; do đó họ có khả năng và trách nhiệm sống yêu thương và hiệp thông” (x. FC. 11).

1. Giới tính

Loài người có hai giới:

- Giới nam (phái mạnh)
- Giới nữ (phái yếu)

* Mỗi giới có những đặc tính riêng và luôn có xu hướng về nhau, cần đến nhau, bổ túc cho nhau. Những đặc tính này là nguồn động lực mưu ích cho đời sống tình yêu hôn nhân gia đình. Sự hoà hợp trong đời sống lứa đôi và đời sống xã hội, tùy thuộc một phần lớn vào cách sống của hai người nam nữ biết bổ túc, nâng đỡ và nương tựa lẫn nhau.

* Nam hay nữ đều có phẩm giá bình đẳng như nhau, nhưng mỗi giới phản ánh quyền năng và tình yêu của Thiên Chúa theo thiên chức riêng của mình.

2. Đức khiết tịnh là gì ?

- Là ơn Thiên Chúa ban, giúp ta biết làm chủ bản năng tính dục để sống làm người nam người nữ cách trong sáng tốt đẹp theo bậc sống của mình đúng như ý Thiên Chúa muốn.

- Đức khiết tịnh cũng là một nhân đức luân lý, nhưng đó cũng là ân sủng và là hoa trái của Thánh Thần. Chúa Thánh Thần ban cho người Kitô hữu sức mạnh để họ noi theo sự thanh khiết của Đức Kitô.

3. Những nguy cơ dẫn đến lỗi đức khiết tịnh

- Lười biếng không làm việc (nhàn cư vi bất thiện).
- Thích vui chơi, kết bè đảng với kẻ xấu (gần mực thì đen).
- Xem sách báo phim ảnh dâm ô.
- Giao thiệp trai gái bất chính.
- Ăn uống say sưa quá độ.

4. Những lỗi phạm đến đức khiết tịnh

- *Tội dâm ô* là ham muốn sai trái hay hưởng thụ vô độ khoái lạc tính dục, mà không nhằm mục đích truyền sinh và kết hợp trong tình yêu.

- *Tội thủ dâm* là cố tình kích thích cơ quan sinh dục để tìm khoái lạc tính dục ngoài mục đích yêu thương và hiến dâng trọn vẹn cho nhau, ngoài mục đích sinh sản con cái.

- *Tội tà dâm* là quan hệ xác thịt ngoài hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Đây là lỗi nặng, xúc phạm đến nhân phẩm và phái tính của con người, vốn qui về lợi ích của đôi vợ chồng, cũng như sinh sản và giáo dục con cái.

- *Tội khiêu dâm* là phô bày cho người khác những hành vi tính dục của mình hay của người khác, phô bày thân thể, tranh ảnh... nhằm kích thích bản năng tính dục của người khác.

- *Tội mãi dâm* là xúc phạm đến phẩm giá của người hành nghề mãi dâm, vì họ chỉ là trò vui nhục dục cho người khác. Người mua bán dâm phạm tội nặng đến chính mình vì lỗi đức khiết tịnh đã cam kết khi được Rửa tội, và làm ô uế thân thể mình là đền thờ Chúa Thánh Thần.

- *Tội hiếp dâm* là dùng bạo lực cưỡng bức người khác phải quan hệ tình dục. Tội này phạm đến đức công bình và đức ái, nghĩa là đến quyền được tôn trọng, quyền tự do và sự toàn vẹn thanh khiết cả thân xác lẫn tinh thần của con người. Nó có thể gây thương tổn nặng cho nạn nhân phải chịu ảnh hưởng suốt đời.

- *Tội đồng tính luyến ái* là tội của những người nam hay nữ làm hành vi tính dục với người cùng giới với mình. Kinh Thánh vẫn lên án việc này (Rm 1,24-27) và truyền thống luôn coi đó là hành vi thác loạn, trái với luật tự nhiên, nghịch với việc trao ban sự sống, không phải là bỏ khuyết tình cảm và tính dục thực sự.

4. Sống khiết tịnh

- Sống khiết tịnh là sống làm chủ, biết hoà nhập giới tính cách tốt đẹp và trưởng thành nơi chính bản thân mình. Người khiết tịnh là người duy trì được sự sống và tình yêu của mình cách toàn vẹn, liêm khiết, làm cho bản thân được thống nhất, tự chủ, hướng dẫn tự do của mình, không để mình nô lệ các đam mê, các bản năng hoặc áp lực bên ngoài (xc. MV 17).

- Tất cả mọi người đều được kêu gọi sống đời sống khiết tịnh trong bậc sống của mình: khiết tịnh phu thê; khiết tịnh độc thân; và đời sống trinh khiết (bậc sống độc thân được thánh hiến).

a. Đời sống trinh khiết

- Những người sống trong bậc trinh khiết hay còn gọi là bậc độc thân được thánh hiến. Đây là cung cách sống trỗi vượt để hiến thân trọn vẹn cho Thiên Chúa với một trái tim không chia sẻ.

- Người sống khiết tịnh trở thành nhân chứng của Thiên Chúa trung tín và yêu thương. Họ là dấu chỉ sống động của Nước Trời giữa trần gian.

- Đức khiết tịnh nảy nở trong tình yêu, tình bằng hữu, giúp người tu sỹ bước theo và bắt chước Đấng đã chọn họ làm bạn hữu của Người. Họ hiến thân làm chứng cho Đấng đã hiến thân trọn vẹn cho con người và Ngài cho con người thông phần thiên tính của Ngài.

- Đức khiết tịnh của họ bộc lộ qua tình thân với những người xung quanh. Tình thân hữu phát triển giữa những người cùng phái, khác phái là điều tốt đẹp cho mọi người, dẫn đến sự hiệp thông tinh thần cách cao đẹp và trọn hảo nhất như tình hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa giữa gian trần.

b. Đời sống khiết tịnh độc thân

Đời sống này, họ cũng nhằm diễn tả những ý nghĩa cao trọng tương tự như bậc của đời sống thánh hiến, nhưng điều khác biệt căn bản là: họ không có lời khấn, không sống cộng đoàn... Họ sống độc thân giữa đời với những công việc và bậc sống tại gia đình...

c. Đời sống khiết tịnh phu thê

Đời sống phu thê tuy không phải đời sống trinh khiết, nhưng trong bậc vợ chồng vẫn phải có sự khiết tịnh, đời hỏi

vợ chồng phải chung thủy, điều độ và sinh sản cùng giáo dục con cái.

- *Sự chung thủy vợ chồng:*

* Đặc tính của hôn nhân Công Giáo là *đơn hôn* và *vĩnh hôn* nói lên sự chung thủy tới cùng của vợ chồng.

* Đời sống chung vợ chồng được gây dựng do giao ước hôn nhân, là sự ưng thuận cá nhân và không thể rút lại. Cả hai hiến thân cho nhau vĩnh viễn và trọn vẹn. Họ không còn là hai, nhưng đã trở thành một thân thể duy nhất. Khi đã tự do cam kết, hôn ước buộc đôi vợ chồng không được tiêu hủy hoặc lập một hôn ước khác. “*Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, loài người không được phân ly*”(Mc 10,9).

- *Chức năng truyền sinh:*

* Sinh con là một ân huệ và là mục đích của hôn nhân. Đứa con là hoa trái và là thành tựu do tình yêu hiến dâng của vợ chồng, và vợ chồng được dự phần vào quyền sáng tạo và tình yêu phụ tử của Thiên Chúa (MV 50,2).

* Trách nhiệm sinh sản con cái đòi hỏi vợ chồng phải điều hoà việc sinh sản, vợ chồng có thể cách quãng việc sinh con, nhưng không được chiều theo lòng ích kỷ, mà phải theo lòng quảng đại của bậc cha mẹ có trách nhiệm.

* Muốn điều hoà việc sinh sản, họ phải theo những phương pháp phù hợp với luân lý như: chế dục định kỳ, phương pháp điều hoà dựa trên việc tự quan sát bản thân... các phương pháp này tôn trọng thân xác vợ chồng, khích lệ tình âu yếm nhau và giúp họ tập luyện tự do đích thực.

* *Những kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo khác nguồn* vi phạm quyền của đứa trẻ phải được sinh ra do cha mẹ đã chính thức kết hôn và quyền được biết cha

mẹ là ai ; *Những kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo cùng nguồn* vẫn không thể được chấp nhận, vì tách rời hành vi tính dục với việc truyền sinh.

- Những vi phạm phẩm giá hôn nhân:

* *Ngoại tình* có ý chỉ sự bất trung giữa vợ chồng. Khi ít là một trong hai người nam nữ đã có vợ chồng, mà lại quan hệ tính dục với nhau. Kinh Thánh tuyệt đối cấm ngoại tình, vì ngoại tình là bất công, là lỗi lời cam kết và giao ước trong hôn nhân, xúc phạm đến quyền lợi của người bạn đời, và của cơ chế hôn nhân..

* *Ly dị*: Giữa hai người công giáo, khi đã kết hôn và hoàn hợp rồi thì không có quyền năng nào của loài người, và không lý do nào có thể tháo gỡ, trừ sự chết.

+ *Ly dị vi phạm nặng luật tự nhiên*, và còn xúc phạm đến giao ước mà bí tích Hôn Nhân là dấu hiệu; nếu người đã ly dị còn kết hôn nữa, thì họ ở trong tình trạng ngoại tình công khai và thường xuyên.

+ *Ly dị* còn là sự vô luân, vì nó gây xáo trộn trong gia đình: người bạn đời bị bỏ rơi, con cái bị tổn thương, vợ chồng chia ly. Còn trong xã hội, nó như một vết thương dễ lây nhiễm...

* *Đa thê* là tình trạng không hợp luân lý, tuyệt đối nghịch lại với sự hiệp thông vợ chồng: trực tiếp chối bỏ kế hoạch của Thiên Chúa, nghịch với phẩm giá bình đẳng của người nam và người nữ, cả hai hiến thân cho nhau trong một tình yêu trọn vẹn, duy nhất và độc hữu.

* *Loạn luân* là quan hệ tính dục giữa những người họ hàng cùng huyết tộc hoặc hôn thuộc mà luật cấm kết hôn với nhau.

* *Tự do sống chung* là khi một người nam và một người nữ sống như vợ chồng nhưng không chịu tiến hành hôn nhân chính thức theo luật. Hành vi tính dục chỉ được chấp nhận trong hôn nhân ; ngoài hôn nhân, luôn luôn đó là một tội trọng và không được hiệp thông các bí tích.

* *Hôn nhân thử nghiệm* là hai bên đã có ý kết hôn nên có những quan hệ tính dục để thử trước khi dứt khoát kết hôn với nhau. Việc thử như vậy “không bảo vệ cho họ chống lại những ngộ ngông và thói thất thường”. Tình yêu con người không cho phép “thử”, hôn nhân đòi hiến thân trọn vẹn và dứt khoát cho nhau.

SỐNG CÔNG BẰNG

1. Điều răn thứ bảy dạy ta những gì ?

- Phải tôn trọng của cải của người khác, vì mỗi người được quyền có của cải riêng để bảo đảm nhân phẩm và nhu cầu cuộc sống, gọi là quyền tư hữu.

- Cần sử dụng của cải trong tinh thần liên đới và chia sẻ với mọi người, vì tài nguyên trong vũ trụ được Thiên Chúa ban chung cho mọi người (xem Hiến Chế Vui Mừng và Hy Vọng số 69).

2. Quyền chung hưởng của cải trần thế và quyền tư hữu

- Quyền tư hữu của cải do mình làm ra hay nhận được một cách chính đáng, không huỷ bỏ việc Thiên Chúa đã ban địa cầu cho toàn thể nhân loại ngay từ nguyên thủy.

- Quyền chung hưởng của cải vẫn ưu tiên, cho dù sự thăng tiến công ích đòi phải tôn trọng tư sản, quyền tư hữu và việc hành sử quyền này.

- Quyền tư hữu đòi hỏi sự hợp pháp nhằm bảo vệ tự do, bảo đảm những nhu cầu căn bản, và có thể phát triển tình liên đới tự nhiên. Hai yếu tố này gắn bó với nhau và bổ túc cho nhau, tạo mối quan hệ hài hoà giữa người với người trong cuộc sống chung.

- Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình sở hữu cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là của cải đó

có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác nữa (xc. Hiến chế *Vui mừng và hy vọng*, số 69).

- Ngày nay, ô nhiễm môi sinh đã trở thành vấn đề quan trọng của cả nhân loại. Khoáng sản, thực vật, động vật là những tài nguyên Thiên Chúa ban tặng cho tất cả mọi người. Vì thế, một đàng con người được phép khai thác những tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cuộc sống, nhưng đàng khác phải tôn trọng thiên nhiên là của cải chung cho con người hôm nay và cho cả những thế hệ mai sau.

3. Công bằng xã hội và hoạt động kinh tế

- Sinh hoạt kinh tế

* Phát triển kinh tế và gia tăng sản xuất đều nhằm phục vụ những nhu cầu của con người.

* Đời sống kinh tế không chỉ nhằm vào việc gia tăng các sản phẩm, lợi nhuận hoặc quyền lực, nhưng trước tiên là để phục vụ con người: con người toàn diện và toàn thể cộng đồng nhân loại. Hoạt động kinh tế được điều hành theo những phương pháp riêng nhưng phải tôn trọng các khuôn khổ luân lý và công bằng xã hội, để đáp ứng ý định của Thiên Chúa về con người.

- Việc làm

* Đối với Kitô giáo, lao động có một giá trị cao cả: không những để nuôi sống bản thân và gia đình, mà còn liên kết với tha nhân và phục vụ họ, cộng tác vào công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa, và tham gia vào công cuộc cứu độ của Đức Kitô qua những lao công vất vả của mình (xc. Hiến chế *Vui mừng và hy vọng*, số 64).

* Mỗi người có quyền đòi hỏi việc làm, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, phái tính hay giai cấp nào. Khi

làm việc, con người cũng cần có được đồng lương xứng đáng “đủ khả năng xây dựng cho mình và gia đình một đời sống xứng hợp cả về phương diện vật chất, xã hội, văn hoá cũng như tinh thần” (MV 67).

- *Tình liên đới giữa các dân tộc*

* Ngày nay người ta chứng kiến sự cách biệt rất lớn giữa các nước giàu và các nước nghèo. Đang khi một số quốc gia càng lúc càng giàu hơn, thì nợ nần của các nước nghèo lại gia tăng... Vì thế, Hội Thánh luôn kêu gọi xây dựng công bằng, và tình liên đới giữa các dân tộc. Sự liên đới ấy không chỉ thể hiện bằng cách giúp đỡ trực tiếp, nhưng còn phải cải tổ cả cơ cấu của nền kinh tế thế giới, và phải hướng đến việc phát triển toàn diện của gia đình nhân loại.

4. Yêu thương người nghèo

- Tiếng gọi của Thiên Chúa không chỉ ngưng lại ở đòi hỏi công bằng, mà còn đi xa hơn đến chỗ: yêu thương người nghèo. Ngay trong Cựu ước, Dân Chúa đã có những biện pháp cụ thể để nâng đỡ người nghèo: năm toàn xá (tha thứ nợ nần, trả lại đất đai), cấm lấy lãi và xiết nợ, nộp thuế thập phân, trả lương công nhật, quyền được mót ở ruộng lúa, vườn nho... Đến thời Tân Ước, tiếng gọi ấy càng khẩn thiết hơn: Đức Giêsu công bố hạnh phúc cho người nghèo, chính Ngài đã sống giữa người nghèo, để chăm sóc cho họ, và Ngài vẫn hiện diện trong những người nghèo (xc. Mt 25,31-36)

- Lòng thương xót của người Kitô hữu được thể hiện qua cuộc sống tiết độ, không tham lam của cải, không tiêu xài lãng phí. Tích cực hơn, ta góp phần làm vơi đi nỗi khổ của những anh chị em nghèo về tinh thần cũng như vật

chất: an ủi, khích lệ, khuyên bảo, dạy dỗ ; đồng thời cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, cho kẻ rách rưới ăn mặc, cho kẻ không nhà được náu thân... những công việc đó làm cho ta được nên giống Cha trên trời là Đấng nhân từ và giàu lòng xót thương.

5. Những tội lầy của người khác cách bất công

- Trộm cướp.
- Gian lận.
- Cho vay nặng lãi cách quá đáng.
- Nhận hối lộ hoặc tham lạm của công.
- Đầu cơ tích trữ hoặc bắt chẹt người tiêu dùng.

6. Những tội giữ của người khác cách bất công

- Không trả nợ.
- Không hoàn lại của đã mượn hay mượn được.
- Không trả tiền công xứng đáng.
- Trốn thuế.
- Tiếp trữ của gian.

7. Người lỗi đức công bằng thì phải làm thế nào?

- Phải bồi thường cân xứng những thiệt hại đã gây ra và hoàn trả lại những gì đã chiếm đoạt cho chủ nó. Nếu người ấy đã chết hoặc không tìm được, thì đền trả cho con cháu hoặc người thừa kế. Nếu không biết đền trả cho ai, thì phải dùng của ấy vào công việc bác ái.

- Mọi người có bổn phận phải giữ công bằng và bác ái trong việc quản lý những của cải trần thế và thành quả lao động của con người. Người Kitô hữu còn cố gắng sử dụng mọi của cải trần thế để phụng sự Thiên Chúa và thực thi bác ái huynh đệ.

TÔN TRỌNG SỰ THẬT

Điều răn này bắt nguồn từ ơn gọi của Dân Thánh làm chứng nhân cho Thiên Chúa của mình, Đấng là chân lý. Vì thế, một khi con người chối bỏ sự thật, tức là bất trung với Thiên Chúa và do đó phá huỷ nền tảng Giao Ước.

I. Sống Trong Sự Thật Và Làm Chứng Cho Sự Thật

Con người không thể chung sống hoà hợp nếu không tin tưởng và thành thật với nhau. Thiếu thành thật, cuộc sống chung sẽ trở nên nặng nề vì người ta phải luôn luôn cảnh giác và nghi ngờ nhau.

1. Nền tảng của luật tôn trọng sự thật

Đối với người Kitô hữu, lời mời gọi sống theo sự thật được bắt nguồn từ chính Thiên Chúa. Thật vậy, Thiên Chúa là “Đấng chân thật” (Rm 3,4) và đường lối Người thẳng ngay, vì thế mọi thành phần Dân Người được mời gọi sống trong sự thật. Hơn nữa, nơi Đức Giêsu, chân lý của Thiên Chúa được bày tỏ trọn vẹn, vì Đức Giêsu chính là lời sự thật (xc. Ga 17,17) và Người đã ban Thánh Thần sự thật (xc. Ga 14,16-17) để đưa chúng ta đến “chân lý toàn vẹn” (xc. Ga 16,13).

- Tự nhiên con người hướng đến chân lý và mỗi người đều có quyền sống theo sự thật. Đáng khác, sự thành thật nâng cao phẩm giá con người, đồng thời giúp con người tha thiết kiếm tìm chân lý. Chân thật là nhân đức giúp con người thành thật trong hành vi và lời nói, không gian dối, giả vờ, đạo đức giả. Có thể nói, danh dự của mỗi người cũng tùy thuộc vào mức độ thành thật của người đó.

- Đời sống xã hội đòi hỏi liên đới. Sự thành thật là dây ràng buộc tình liên đới đó: con người có nói sự thật và sống thật với nhau, người ta mới tin tưởng, liên kết và dần thân xây dựng. Ngược lại, lừa dối gian manh... sẽ làm mất niềm tin, phát sinh nghi kỵ và gây chia rẽ.

2. Làm chứng cho sự thật

Không những sống trong sự thật, người Kitô hữu còn được mời gọi làm chứng cho sự thật, theo gương Đức Giêsu, Đấng *“đã đến trong thế gian để làm chứng cho sự thật”* (Ga 18,37). Đức Giêsu chính là sự thật, nên làm chứng cho sự thật cũng là làm chứng cho Đức Giêsu, cho niềm tin vào Ngài, cho Tin Mừng của Ngài. Vì thế, làm chứng cho sự thật là việc làm chính đáng giúp người khác nhận biết chân lý.

- Hơn nữa, trong những tình huống phải làm chứng đức tin, người Kitô hữu phải tuyên xưng đức tin một cách thẳng thắn, không úp mở vì đó là sự thật. “Tử đạo” là chết để làm chứng cho chân lý đức tin, nên là lời chứng cao quý nhất. Sống kết hợp với Đức Kitô khi chịu chết, vị Tử đạo làm chứng cho Đấng đã chết và đã sống lại. Những vị Tử đạo làm chứng cho chân lý đức tin và đạo lý Kitô giáo bằng cái chết anh hùng.

- *Tôn trọng danh dự mọi người*: danh dự là chứng từ xã hội dành cho phẩm giá một người. Đời sống và sự nghiệp của một người làm nên uy tín của người đó khiến mọi người kính nể, tôn trọng. Những lời nói và hành vi làm giảm giá trị một người đều là xúc phạm đến danh dự người đó.

II. Những Tội Chống Lại Sự Thật

Các Kitô hữu được mời gọi “*mặc lấy con người mới, là con người sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để sống thật sự công chính và thánh thiện*”(Ep 4,24). Tuy nhiên, chúng ta có thể sống không phù hợp với sự thật bằng nhiều cách khác nhau:

1. Thề gian, làm chứng dối

Công khai nói nghịch với sự thật là một lỗi nặng. Trước toà án, lời nói như thế là chứng dối. Khi nói dối mà còn thề, thì đó là thề gian. Chứng dối và thề gian sẽ dẫn đến chỗ kết án người vô tội, hoặc gia tăng hình phạt cho phạm nhân; hay ngược lại, đồng lõa với tội phạm.

2. Không tôn trọng danh dự người khác

- Phán đoán hồ đồ là kết tội người khác khi không có đủ bằng chứng. Để tránh tội này, chúng ta phải rất cẩn thận và phải giải thích tốt hết sức có thể, tư tưởng và hành vi của người khác.

- Nói hành nói xấu là phơi bày lỗi phạm của người khác cho người chưa biết, mà không có lý do vững chắc.

- Vu khống, cáo gian làm thiệt hại thanh danh người khác, và dẫn đến những phán đoán sai về họ...

Những lỗi phạm này huỷ hoại danh thơm tiếng tốt của người khác, và vì thế, đi ngược lại đức công bằng và bác ái.

3. Nói dối

Nói dối là nói sai sự thật, khiến người khác bị lầm lạc, đang khi họ có quyền được biết sự thật. Mức độ tội phạm có thể khác nhau tùy theo bản chất lời nói dối, hoàn cảnh và ý định của người nói dối, cũng như thiệt hại mà lời

nói dối đó gây nên cho người khác. Vì thế, ngay khi nói dối chỉ là tội nhẹ cũng sẽ trở thành tội nặng nếu vi phạm nặng nề đến công bằng và bác ái.

* Tất cả những lỗi phạm đi ngược lại đức công bằng và bác ái, đòi hỏi phải được đền bù, kể cả khi người có tội đã được tha thứ. Khi không thể đền bù cách công khai, phải đền bù cách kín đáo. Đó là đòi hỏi của lương tâm.

III. Tôn Trọng Và Phục Vụ Sự Thật

1. Tôn trọng sự thật

Chúng ta có bốn phận phải nói sự thật, nhưng đức ái đòi buộc ta phải cân trọng xem xét có nên nói sự thật cho người khác không, một khi có thể dẫn đến những hậu quả không tốt. Vì ích lợi và an ninh của người khác, vì tôn trọng đời tư, công ích: đó là những lý do đủ để ta có thể im lặng, không nói điều không nên nói, hoặc nói tránh đi. Không ai bị bó buộc phải nói cho người khác điều mà họ không có quyền biết.

Bên cạnh đó, bí mật toà giải tội là thánh thiêng và không được tiết lộ vì bất cứ lý do nào. “Bí mật toà giải tội là bất khả vi phạm; do đó tuyệt đối cấm linh mục giải tội tiết lộ về hối nhân bất cứ điều gì, bằng lời nói hoặc một cách nào khác, và vì bất cứ lý do gì” (GL 983,1).

Ngoài ra, còn có những bí mật về nghề nghiệp, hoặc những tâm sự đòi hỏi được giữ kín. Chỉ được phép nói ra vì những lý do nghiêm trọng và cân xứng, hoặc vì tai nạn có thể xảy ra nếu không nói.

2. Những phương tiện truyền thông

Trong thời đại hiện nay, những phương tiện truyền thông phát triển rất nhanh, và đóng vai trò quan trọng

trong việc thông tin, đào tạo và phát triển văn hoá. Những phương tiện truyền thông đó phải nhằm mục đích phục vụ công ích, đặt nền tảng trên sự thật, tự do, công bằng và tình liên đới. Trong thực tế, vì ảnh hưởng của lợi nhuận kinh tế và những động lực chính trị, người ta đã bóp méo sự thật và làm cho nhiều người đánh mất khả năng đón nhận chân lý (Đức Gioan Phaolô II).

Vì thế, người Kitô hữu phải tự tạo cho mình một kỷ luật và khả năng phán đoán, dựa trên thang giá trị Tin Mừng, để biết đánh giá đúng mức và tiếp thu những gì tốt đẹp qua các phương tiện truyền thông.

Tóm lại :

- Sự thật hay chân lý là nhân đức giúp con người thành thật trong hành vi và lời nói, không gian dối, giả vờ và đạo đức giả.

- Người Kitô hữu không hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa bằng lời nói cũng như việc làm. Tử đạo là lời chứng cao quý nhất về chân lý đức tin.

- Vì phải tôn trọng thanh danh và danh dự của người khác, nên chúng ta không được nói xấu hay vu khống ai bằng thái độ hay bằng lời nói.

Do ảnh hưởng của sinh hoạt xã hội, và nhiều khi do cả nền giáo dục chuộng hình thức, sự gian dối đã trở thành quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. Sự gian dối đó không những huỷ hoại chính ơn gọi làm người để “*sống trong sự thật*” (Rm 3,4). Vì thế, cho dẫu khó khăn, người Kitô hữu phải cố gắng và can đảm sống ngay thẳng, thành thật, chân thành với chính mình và với mọi người.

THANH KHIẾT TRONG TÂM HỒN

1. Thanh luyện tâm hồn

Điều răn thứ chín đặc biệt chú ý đến cảm xúc về tính dục: *Điều răn thứ sáu cấm làm điều dâm dục, điều răn thứ chín cấm ước muốn làm điều tà dâm.* Nhờ điều răn thứ chín, chúng ta hiểu được chiều sâu của điều răn thứ sáu: mọi tội phát xuất từ trong tâm hồn. *“Tự lòng người phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống”* (Mt 15,19). Điều răn thứ chín muốn diệt trừ tận căn tội tà dâm. Thêm muốn chiếm đoạt tình yêu của người khác là một hành động ích kỷ, phá hoại hạnh phúc người khác và xâm phạm quyền lợi của họ.

Trong Cựu ước, tác giả Thánh vịnh đã nêu bật hình ảnh của người có tâm hồn trong sạch và bàn tay vô tội là người diễm phúc: *“Kẻ tay sạch lòng thanh sẽ được lên núi Chúa”* (Tv 24,4). Trong bài giảng trên núi, Đức Giêsu đã tuyên bố: *“Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ nhìn thấy Thiên Chúa”* (Mt 5,8).

Tâm hồn thanh khiết, nghĩa là phải biết qui hướng về Chúa, là Đấng tuyệt đối thanh khiết. Thiên Chúa cho những người có “lòng thanh sạch” được nhắm nhìn Thiên Chúa và trở nên giống Người. Sự thanh sạch của tâm hồn là điều kiện tiên quyết để được thấy Thiên Chúa. Ngay từ bây giờ, người có lòng thanh sạch biết nhìn mọi sự theo cái nhìn của Thiên Chúa, biết đón nhận tha nhân như người “thân cận”, biết nhận ra thân xác mình và người khác là đền thờ của Chúa Thánh Thần.

2. Cuộc chiến đấu nội tâm

*** Trong đời sống cá nhân**

Ai cũng có kinh nghiệm về những dục vọng xấu tồn tại trong tâm hồn mình. Những dục vọng ấy là hậu quả của tội nguyên tổ. Bí tích Thánh Tẩy thanh luyện chúng ta khỏi mọi tội lỗi, nhưng người Kitô hữu còn phải tiếp tục chiến đấu chống lại những nhục dục và những thèm muốn bất chính. Ta phải cố gắng chống lại bằng cách:

- *Thánh tâm ý hướng*: xác định rõ cứu cánh đích thực của đời người là ở nơi Chúa, từ đó thi hành thánh ý Chúa trong mọi sự.

- *Thanh tẩy cách nhìn* bên ngoài cũng như bên trong: làm chủ tư tưởng, khước từ những tư tưởng xấu khiến ta xa Chúa.

- *Cầu nguyện*, vì “không ai có thể sống khiết tịnh nếu không được Chúa ban ơn” (Thánh Augustino).

- *Sống đoan trang*, thể hiện trong cách ăn mặc, nói năng, cư xử với người khác.

*** Trong đời sống xã hội**

Môi trường xã hội hôm nay đầy rẫy những quyến rũ dâm ô: phim ảnh, sách vở, báo chí... Thêm vào đó là chủ trương phóng túng về luân lý ngày càng phổ biến. Tất cả đều lôi kéo con người vào đường tội lỗi hơn là sống thánh thiện. Muốn giữ được tâm hồn thanh khiết, người Kitô hữu phải can đảm xa lánh những dịp tội, những dịp vui chơi giải trí không lành mạnh. Hơn thế nữa, còn phải góp phần với mọi người thiện chí, để xây dựng một bầu khí xã hội lành mạnh hơn, như Hội Thánh mong muốn.

CHỖ THAM CỦA NGƯỜI

1. Ham muốn bất chính

Tiền bạc và giàu sang là cơn cám dỗ triền miên của đời người, nhất là trong thế giới mà sức mạnh của đồng tiền đang chi phối mọi sinh hoạt: “Có tiền mua tiên cũng được”. Người Kitô hữu được mời gọi: “*Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa vừa làm tôi tiền của được*” (Mt 6,24).

Người ta thường nói: Đồng tiền là tên đầy tớ tốt, nhưng là ông chủ xấu. Bao lâu con người sử dụng đồng tiền như là phương tiện để phục vụ mình, phục vụ những nhu cầu chính đáng, bấy lâu nó là tên nô lệ tốt; trái lại, nếu để đồng tiền làm chủ mình, và mình chỉ biết kiếm được nhiều tiền bằng mọi giá... thì đồng tiền trở thành ông chủ xấu, tác hại con người, làm con người mất hết phẩm giá, khiến họ trở nên đê tiện và trở thành nô lệ cho tiền của.

Điều răn thứ mười dạy ta giữ lòng khỏi ham mê của cải quá đáng, bất chính để không tham lam muốn lấy của người và không ghen tỵ với người.

- Tham lam là ham mê của cải, và thế lực do của cải đem lại; từ đó có thể làm điều bất công hại đến tài sản của người khác. Sự tham lam khiến lòng ta ra mù tối, rối loạn, phán đoán lệch lạc, phai nhạt tình yêu mến và dễ sa ngã phạm tội.

- Ghen tỵ là buồn phiền khi thấy người khác có của cải và ước ao chiếm đoạt. Thánh Augustino coi ghen tỵ là tội quỷ quái nhất, vì “ghen tỵ sinh ra thù ghét, nói xấu, vu khống, vui khi thấy kẻ khác gặp hoạn nạn, buồn khi thấy kẻ khác được may lành”.

2. Vượt qua những ham muốn bất chính

* *Điều chỉnh những ước muốn*

Tự nó, ước muốn không phải là điều xấu. Vấn đề là phải điều chỉnh những ước muốn cho đúng đắn. Phải cảnh giác trước sự quyến rũ của những thực tại “*ăn thì ngon, trông đẹp mắt và đáng quý*” (St 3,6) nhưng lại ẩn chứa bên trong nọc độc của tội lỗi và sự chết. Điều mà người Kitô hữu phải ước muốn trước hết là sự toàn thiện, và đặt mình trong sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. “Thay vì ước muốn của cải trần thế, hãy ước muốn của cải trên trời do những việc thiện, bác ái; thay vì ước muốn hưởng thụ ích kỷ cho bản thân, hãy ước muốn những niềm vui khi thấy làm cho người khác được hạnh phúc vật chất, tinh thần; biết hướng lòng về trời và ao ước những sự trên trời (xc. Cl 3,1-3), vì *kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó* (Mt 6,21)”. Do đó, cần loại bỏ tính ghen tỵ và tập thói quen vui mừng trước những thành công của người khác, biết thanh tẩy tâm hồn và thực hành đức tiết độ...

* *Sống tinh thần khó nghèo*

Mối phúc đầu tiên của Đức Giêsu là “*Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó*” (Mt 5,3), và Người thường xuyên cảnh giác con người trước mối nguy hiểm của tiền bạc “*Khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi*” (Lc 6,24). Sống tinh thần nghèo khó là chọn Chúa là gia nghiệp của mình, đặt Chúa trên hết mọi sự, và sẵn sàng từ bỏ mọi sự vì Đức Giêsu và vì Tin Mừng “*Ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình vì tôi và vì Tin Mừng, thì sẽ cứu được mạng sống ấy*” (Mc 8,35).

CẦU NGUYỆN

I. Truyền Thống Cầu Nguyện

1. Cầu nguyện là gì ?

Các môn đệ thường xuyên thấy Đức Giêsu cầu nguyện, Gioan dạy các môn đệ của ông cầu nguyện, các môn đệ đã xin Chúa dạy các ông cầu nguyện.

Trong câu chuyện đánh quân Amaléc, Môsê lên núi cao, tức là lên gặp gỡ Thiên Chúa, ông giơ tay để cầu nguyện. Câu chuyện này, tác giả không ghi lại những lời ông Môsê thưa với Chúa, nhưng chắc chắn ông thưa với Chúa tất cả nỗi hiểm nguy mà dân đang gặp phải, những ước muốn chiến thắng của dân cũng như lòng tôn thờ của ông và của toàn dân... Đó là cầu nguyện.

Vậy cầu nguyện là nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa, hay là dâng lời cầu lên Thiên Chúa để xin những ơn lành phù hợp với thánh ý của Ngài, để gặp gỡ và hiệp thông với Người trong tình yêu thương.

2. Tại sao phải cầu nguyện ?

Lần kia, khi trở lại với các môn đệ, Đức Giêsu thấy đám đông vây quanh các môn đệ và các kinh sư tranh luận với các ông. Người hỏi các môn đệ: Anh em tranh luận gì với họ thế ? Một người trong đám đông thưa: Tôi đem con trai tôi lại cùng Thầy. Cháu bị quỷ ám. Tôi đã nói với các môn đệ Thầy để họ trừ tên quỷ đó, nhưng các ông không làm nổi. Đức Giêsu nói: đem nó lại đây cho tôi. Người ta đem nó lại cho Người... Quỷ hét lên, lay nó thật mạnh rồi

xuất khỏi (xc. Mc 9,14-27). Các môn đệ vừa khâm phục vừa thắc mắc, Đức Giêsu trả lời: Giống quỉ ấy chỉ trừ được bằng lời cầu nguyện.

Đức Giêsu giới thiệu cho chúng ta một cách thức để trừ quỉ: Cầu Nguyện.

Ma quỉ đã cám dỗ ông bà nguyên tổ (xc. St 3,1-6), chúng không buông tha Đức Giêsu (xc. Mt 4,3-10) và nó cũng luôn cám dỗ con người “*Anh em hãy canh thức và cầu nguyện, để khỏi lâm vào cơn cám dỗ...*”(Mt 26,41). Chính nhờ lời cầu nguyện mà chúng ta mới hy vọng chiến thắng (xc. Mc 9,29).

Hơn nữa, đời sống của người Kitô hữu hệ tại ở việc liên kết với Thiên Chúa là nguồn sống: “*Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy anh em chẳng làm gì được*” (Ga 15,5). Chúng ta chỉ thực hiện được sự liên kết này nhờ việc cầu nguyện. Thiên Chúa hằng kêu mời mỗi người đến gặp gỡ Người đặc biệt trong cầu nguyện: “*Chính anh em hãy lánh riêng ra đến một nơi thanh vắng mà nghỉ ngơi đôi chút*” (Mc 6,31).

Mặt khác, chúng ta phải cầu nguyện vì chúng ta có khả năng nhận biết và luôn khao khát hưởng về Thiên Chúa. Nhưng Thiên Chúa đã đi bước trước là không ngừng lôi kéo mỗi người đến gặp gỡ Ngài cách thâm lặng trong việc cầu nguyện.

3. Phương thế cầu nguyện

Phương thế giúp cầu nguyện tốt nhất là các Thánh vịnh, vì các Thánh vịnh là tột đỉnh của kinh nguyện trong

Cựu ước: Lời Thiên Chúa đã trở thành lời cầu nguyện của con người.

Tâm tình trước hết của việc cầu nguyện là ca ngợi Thiên Chúa. Mà các Thánh vịnh nhằm ca ngợi những kỳ công của Thiên Chúa trong công trình tạo dựng và trong lịch sử cứu độ. Nên Thánh vịnh chắc chắn là phương thế giúp cầu nguyện tốt nhất.

Hơn nữa, chính Đức Giêsu đã cầu nguyện bằng các Thánh vịnh, nên chúng ta phải bắt chước Ngài. Vì vậy, Hội thánh luôn coi các Thánh vịnh là yếu tố chính yếu và thường xuyên trong kinh nguyện của Hội thánh. Các Thánh vịnh rất thích hợp cho mỗi người trong mọi hoàn cảnh và thời khắc.

Lại nữa, Đức Giêsu còn dạy chúng ta cầu nguyện bằng Kinh Lạy Cha của chính Ngài đã dạy, kèm theo những thái độ cần thiết cho việc cầu nguyện đích thực:

- cầu nguyện nhân danh Đức Giêsu
- có tâm hồn thanh sạch mong tìm kiếm Nước trời
- luôn sẵn sàng tha thứ cho kẻ thù của mình
- phải tin tưởng mạnh mẽ
- có tâm tình con thảo
- luôn tỉnh thức để tránh cám dỗ.

4. Đức Giêsu, thầy dạy và mẫu gương cầu nguyện

Các sách Tin Mừng cho thấy: khi mới sinh ra, Đức Giêsu đã được Đức Maria đưa lên Đền thờ cầu nguyện (Lc 2,22-24). Hàng năm, Đức Giêsu cùng cha mẹ trở về Đền thờ Giêrusalem mừng lễ Vượt qua (Lc 2,41). Mỗi ngày Sabát, Đức Giêsu đều đến Hội đường để cầu nguyện cùng

với cộng đoàn Do Thái (Lc 4,16). Khởi đầu đời công khai, Đức Giêsu dành một thời gian dài cho việc cầu nguyện (Lc 4,1-2).

Đức Giêsu cầu nguyện lúc sáng sớm (Mc 1,35), vào cuối ngày sau khi đã làm việc (Mt 14,23), trước khi làm phép lạ (Ga 11,41-42), trước khi chọn gọi các tông đồ (Lc 6,12-19), trước khi bị bắt (Mc 14,32.36.39).

Như vậy, Đức Giêsu đã thường xuyên cầu nguyện, Người kết hiệp liên lý với Chúa Cha trong tình yêu mến, vâng phục, đặc biệt trước giờ phút quyết định và những hoạt động quan trọng, nhất là trong những giờ phút cuối cùng của hiến tế thập giá.

II. Đời Sống Cầu Nguyện

1. Những tâm tình cầu nguyện

a. Chúc tụng và thờ lạy

Lời kinh chúc tụng là sự gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người, giữa ân huệ Thiên Chúa ban tặng và niềm tri ân của con người dâng lên Thiên Chúa. Trong lời kinh đó, một đàng con người hướng lên Thiên Chúa, và đàng khác, ân huệ của Thiên Chúa đổ xuống trên con người. Bên cạnh đó chúng ta còn có tâm tình thờ lạy, nghĩa là tự nhận mình là thọ tạo trước Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo chí thánh của mình.

b. Khấn xin

Người Kitô hữu ý thức mình là thọ tạo, và chính Chúa mới là cội nguồn, cùng đích đời mình ; đồng thời ý thức mình là tội nhân đã xa cách Chúa. Ý thức đó dẫn ta đến lời kinh khấn xin. Xin ơn tha thứ, xin ơn cho tất cả mọi nhu cầu tinh

thần lẫn vật chất của chúng ta. Nhưng điều trước tiên phải khẩn xin là xin cho Nước Thiên Chúa trị đến.

c. Chuyển cầu

Lời kinh chuyển cầu là nét đặc trưng của Kitô giáo, vừa diễn tả mối hiệp thông các thánh, vừa diễn tả lòng yêu thương đối với mọi người, kể cả người tội lỗi và thù địch của chúng ta.

d. Tạ ơn

Lời kinh tạ ơn được diễn tả cách đặc biệt khi chúng ta cử hành Thánh lễ. Tạ ơn vì nhờ Đức Giêsu, chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi và sự chết, để trở thành thọ tạo mới. Đối với chúng ta, mọi biến cố và mọi ân huệ trong đời sống đều có thể trở thành hiến lễ tạ ơn.

2. Những hình thức cầu nguyện

Chúng ta có thể cầu nguyện mọi nơi mọi lúc. Có ba hình thức chính để cầu nguyện:

a. Khẩu nguyện

Khẩu nguyện là kết hợp thân xác chúng ta với lời cầu nguyện trong tâm hồn. Tuy nhiên khẩu nguyện phải luôn phát xuất từ đức tin của chúng ta. Đức Giêsu dạy chúng ta một công thức tuyệt hảo của khẩu nguyện, đó là Kinh Lạy Cha.

b. Suy niệm

Suy niệm là vận dụng trí tuệ, tình cảm, ước muốn để cầu nguyện bằng việc suy niệm Lời Chúa trong Thánh

Kinh, rồi đào sâu đức tin, hoán cải tâm hồn và luôn bước theo Đức Giêsu.

c. Chiêm niệm

Chiêm niệm là chiêm ngắm Thiên Chúa trong thinh lặng và trong tình yêu. Đây là ơn Chúa ban cho chúng ta, để chúng ta biết tìm kiếm Đức Giêsu, phó thác đời mình cho thánh ý Chúa Cha, và đặt mình dưới tác động của Chúa Thánh Thần.

3. Cầu nguyện hay cầu xin ?

Cần phân biệt giữa cầu nguyện và cầu xin:

- Cầu xin là chạy đến với Chúa và chỉ biết xin Chúa ban cho mình hết ơn này tới ơn khác, mà không có tâm tình tạ ơn hay hướng lòng lên Chúa.

- Khi gặp những tai ương hoạn nạn, liền kêu cầu, xin ơn tha thiết, nhưng khi cuộc sống “êm đềm trôi” thì chẳng bao giờ tôi nhớ tới Chúa nữa,

- Trước khi bắt tay vào một công việc gì, thì cầu nguyện xin Chúa phù trì cho được yên tâm, nó như một thói quen, chứ không có tâm tình cầu.

Đó là những thái độ của những người chỉ biết xin ơn mà không biết cảm tạ và ca ngợi tình yêu của Thiên Chúa. Điều quan trọng trong đời sống cầu nguyện của người Kitô hữu là luôn nhớ tới Thiên Chúa đang hiện diện, đồng hành, và phó thác tất cả mọi sự cho tình yêu quan phòng của Ngài.

Thiên Chúa mời gọi chúng ta đến với Ngài trong tình yêu mến. Vì, chỉ có tình yêu và lòng mến, mới có thể liên kết con người với nhau và con người với T.C.

4. Thái độ cần thiết khi cầu nguyện

Thái độ cần thiết khi cầu nguyện là lòng mến. Sự khiêm tốn và lòng nhẫn nại giúp chúng ta khám phá ra rằng:

- Chúng ta có thể cầu nguyện mọi nơi, mọi lúc và trong mọi hoàn cảnh, cũng như khi yêu, người ta gắn bó với nhau tự thâm sâu tâm hồn.

- Cầu nguyện là nhu cầu thiết yếu cho đời sống tâm linh, vì nếu không được Thánh Linh hướng dẫn, chúng ta sẽ dễ dàng bị cám dỗ và không có được đời sống kết hiệp với Thiên Chúa.

- Người Kitô hữu phải luôn gắn kết với đời sống cầu nguyện, để ngày càng trở nên giống Đức Giêsu và nhận biết Thiên Chúa là Đấng giàu lòng thương xót và thứ tha.

Tóm lại : - Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên cùng Chúa, để gặp gỡ và hiệp thông với Người trong tình yêu thương.

- Cầu nguyện liên kết con người với Thiên Chúa là nguồn sự sống. Hơn nữa, Người vẫn hằng kêu mời và chờ đợi ta đến thưa chuyện với Người.

- Đức Giêsu đã cầu nguyện trong tâm tình hiếu thảo. Người kết hiệp liên lý với Chúa Cha trong tình yêu mến, vâng phục, mà đỉnh cao là cái chết trên thập giá.

- Đức Giêsu đã thường xuyên cầu nguyện, đặc biệt trước những giờ phút quyết định và những hoạt động quan trọng, nhất là trong những giây phút cuối cùng của Hiến tế Thập giá.

- Ta có thể cầu nguyện mọi nơi mọi lúc bằng ba hình thức chính: khẩu nguyện, suy niệm và chiêm niệm.

- Phương thế để cầu nguyện đích thực và hữu hiệu nhất là các Thánh vịnh và Kinh Lạy Cha.

LỜI KINH CHÚA DẠY

Kinh “Lạy Cha” là lời kinh do chính Đức Giêsu dạy cho các môn đệ, khi họ xin Ngài dạy họ cách cầu nguyện (Lc 11,4). Khi cầu nguyện anh em hãy nói: *“Lạy Cha chúng con ở trên trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày, và tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con. Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ”* (Mt 6,9-13).

I. Lời Kinh Tuyệt Vời

1. Kinh Lạy Cha có vị trí nào trong Kinh Thánh ?

Kinh Lạy Cha “là bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng”, là lời cầu nguyện tuyệt hảo. Kinh Lạy Cha nằm ở trung tâm Bài giảng trên núi (Mt 5-7), và lấy lại nội dung chính yếu của Tin mừng dưới hình thức một kinh nguyện.

2. Lời kinh của Chúa

Kinh Lạy Cha là lời kinh duy nhất mà Đức Giêsu trực tiếp dạy các môn đệ, cho nên vẫn được gọi là lời kinh của Chúa. Đức Giêsu không những dạy ta một công thức cầu nguyện, nhưng còn ban tặng Thánh Thần để lời kinh ấy trở thành “Thần trí và sự sống”(Ga 6,63), là lời kinh của người Con dâng lên Cha trong tác động của Thánh Thần.

3. Lời kinh của Hội Thánh

Kinh Lạy Cha là lời kinh của Hội Thánh, kinh này được “trao” cho những người con của Thiên Chúa và lúc lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, để nhấn mạnh việc tái sinh vào đời sống thần linh. Bí tích Thánh Thể mạc khải ý nghĩa tròn đầy của lời kinh này: lời cầu xin của kinh này, nhờ mầu nhiệm cứu độ mà Đức Giêsu đã được thực hiện, sẽ được nhậm lời cách trọn vẹn khi Chúa đến. Kinh Lạy Cha là một phần của kinh nguyện trong phụng vụ của Hội Thánh.

II. Cấu Trúc Của Lời Kinh

Kinh Lạy Cha gồm ba phần chính:

1. Lời mở đầu

“*Lạy Cha chúng con ở trên trời*”. Lời này hướng lòng chúng ta lên trước tôn nhan Chúa, và tập trung tất cả vào Ngài. Như thế, chúng ta có thể cầu nguyện với sự tin tưởng, đơn sơ và hiếu thảo, với sự vui mừng an tâm, sự can đảm, khiêm hạ và trong sự xác tín được Thiên Chúa yêu thương và nhậm lời.

2. Ba lời nguyện tôn vinh

- “*Danh Cha cả sáng*” : Đây là lời ca ngợi nhận biết Thiên Chúa là Đấng Thánh. Thiên Chúa mới gọi chúng ta phải “nên thánh”. Làm cho “Danh Thiên Chúa được cả sáng” chính là muốn rằng việc được thánh hiến qua bí tích Thánh Tẩy làm sinh động cả cuộc đời chúng ta. Đó cũng là lời cầu xin rằng, qua cuộc sống và lời cầu nguyện của chúng ta, Danh Thiên Chúa được mọi người nhận biết và chúc tụng.

- “*Nước Cha trị đến*” : Hội thánh cầu xin cho Nước Thiên Chúa trị đến một cách dứt khoát qua việc Đức Kitô trở

lại trong vinh quang. Nhưng Hội thánh cũng cầu xin cho vương quyền của Thiên Chúa ngày càng lớn lên trong hiện tại qua việc thánh hoá con người trong Chúa Thánh Thần.

- *“Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”* : Ý muốn của Chúa Cha là “tất cả mọi người được cứu độ” (1Tm 2,3). Vì thế, Chúa Giêsu đã đến để chu toàn ý định cứu độ của Thiên Chúa Cha. Chúng ta cầu xin Thiên Chúa Cha liên kết chúng ta với ý muốn Con của Người, theo gương của Đức Trinh Nữ Maria và các thánh. Chính nhờ lời cầu nguyện này mà chúng ta có thể “nhận ra ý muốn của Thiên Chúa” (Rm 12,2) và “kiên trì thi hành thánh ý” (Dt 10,36).

3. Bốn lời cầu xin

Cầu cho những nhu cầu của con người

- *Nhu cầu vật chất* : Khi xin Thiên Chúa ban lương thực để mọi người được sống, với lòng phó thác và tin tưởng của những người con chúng ta nhận biết Thiên Chúa, Cha chúng ta, là Đấng tốt lành và trung tín.

Chúng ta cũng xin ơn biết phải hành động thế nào để công lý và tình liên đới cho phép những ai có của cải dư thừa biết giúp đỡ cho những người túng thiếu.

Lời cầu xin này cũng bao hàm cả cơn đói khát Lời Chúa và Mình Thánh Chúa trong bí tích Thánh Thể, cũng như đói khát Chúa Thánh Thần. Xin Thiên Chúa ban cho chúng ta hôm nay được tham dự trước vào bàn tiệc trong Vương Quốc sẽ đến.

- *Nhu cầu tinh thần* : Khi xin Thiên Chúa là Cha tha thứ, chúng ta nhận biết mình là kẻ tội lỗi trước mặt Ngài, nhưng đồng thời chúng ta cũng tuyên xưng lòng thương xót

của Ngài, vì trong Chúa Con và qua các bí tích, “chúng ta được ơn cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi” (Cl 1,14). Tuy nhiên, để lời cầu xin của ta được Thiên Chúa nhậm lời thì chúng ta phải biết tha thứ trước.

Tha thứ chính là tham dự vào lòng khoan dung của Thiên Chúa và là một trong những đỉnh cao của kinh nguyện Kitô giáo.

- *Nài xin Thiên Chúa sự nâng đỡ để vượt thắng tội lỗi* : Chúng ta xin Thiên Chúa là Cha chúng ta đừng để chúng ta đơn độc dưới quyền lực của cơn cám dỗ. Lời cầu xin này kết hợp chúng ta với Đức Giêsu, Đấng đã chiến thắng cám dỗ bằng lời cầu nguyện của Người. Lời cầu này cũng van xin ơn tỉnh thức và bền đỗ đến cùng.

- *Xin cứu khỏi các cơn cám dỗ và ác thần* : Sự dữ ám chỉ Satan, kẻ đối nghịch với Thiên Chúa, “kẻ chuyên mê hoặc toàn thể nhân loại” (Kh 12,9). Chúng ta cầu xin Thiên Chúa ban ân sủng và bình an để kiên trì chờ đợi Đức Kitô lại đến giải thoát chúng ta khỏi sự Dữ cách dứt khoát.

III. Lời Kinh Của Đức Tin - Cậy - Mến

Phải tin vào Thiên Chúa là Cha yêu thương, cho dầu như thể Ngài vắng bóng và xa cách chúng ta, trong những lúc khổ đau, buồn tủi của cuộc đời.

Phải cậy trông để vững vàng hy vọng Vương Quốc Thiên Chúa sẽ hoàn thành trong ngày cánh chung.

Phải yêu mến Thiên Chúa để học hỏi tình yêu Ngài đã dành cho nhân loại và tìm thấy sự ấm áp và thân mật của tình yêu mà Ngài đã dành cho chúng ta.

MỤC LỤC

Bài 1	2
CON NGƯỜI LÀ HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA	2
Bài 2	5
TỰ DO CỦA CON NGƯỜI	5
Bài 3	9
HÀNH VI NHÂN LINH	9
Bài 4	12
LƯƠNG TÂM	12
Bài 5	16
CÁC NHÂN ĐỨC	16
Bài 6	22
TỘI LỖI	22
Bài 7	27
BẢY MỐI TỘI ĐẦU	27
Bài 8	30
LUẬT LUÂN LÝ	30
Bài 9	34
TÔN THỜ THIÊN CHÚA	34
Bài 10	39
TÔN KÍNH DANH THIÊN CHÚA	39
Bài 11	42
THÁNH HOÁ NGÀY CHÚA NHẬT	42
Bài 12	45
THẢO KÍNH MẸ CHA	45
Bài 13	50
TÔN TRỌNG SỰ SỐNG	50
Bài 14	57
SỐNG KHIẾT TỊNH	57

Bài 15	64
SỐNG CÔNG BẰNG	64
Bài 16	68
TÔN TRỌNG SỰ THẬT	68
Bài 17	73
THANH KHIẾT TRONG TÂM HỒN	73
Bài 18	75
CHỖ THAM CỦA NGƯỜI	75
Bài 19	77
CẦU NGUYỆN	77
Bài 20	85
LỜI KINH CHÚA DẠY	85